

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ TÀI CHÍNH**

VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH

**CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ
HỖ TRỢ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Văn kiện được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số/QĐ-BTC ngày tháng năm
2010 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

Hà Nội, 06/2010

TÓM TẮT THÔNG TIN DỰ ÁN

Các thông số Chương trình	Chi tiết
Tên Chương trình	Cải cách doanh nghiệp Nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty
Cơ quan tài trợ	Ngân hàng Phát triển Châu Á
Mã ngành	K66
Cơ quan chủ quản	Bộ Tài chính Địa chỉ: Số 28 – Trần Hưng Đạo – Hà Nội Số điện thoại: 84-4-22-20-28-28
Đơn vị phụ trách Chương trình	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính Địa chỉ: Số 28 – Trần Hưng Đạo – Hà Nội Số điện thoại: 84-4-22-20-28-28
Cơ quan điều hành Chương trình	Bộ Tài chính
Chủ dự án thành phần (Đơn vị thực hiện Dự án)	Các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức nhà nước được lựa chọn. Trong đó, dự án vay lần đầu (giai đoạn 1) là: (1) Tổng công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà; (2) Tổng công ty Đường sông Miền Nam; và (3) Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng tại doanh nghiệp.
Thời gian thực hiện	Dự kiến cho cả Hiệp định khung là 2009-2015. Trong đó, giai đoạn 1 từ 2009- 2012
Địa điểm thực hiện	Tại địa điểm của các Đơn vị thực hiện Dự án
Tổng vốn	630 triệu USD (gồm vốn 600 triệu USD vay từ nguồn thông thường (OCR) và 30 triệu USD vay ưu đãi từ nguồn vốn ADF). Trong đó, giai đoạn 1 là 130 triệu USD (gồm 120 triệu USD vốn OCR và 10 triệu USD vốn ADF).
Hình thức cung cấp	ODA vay

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ADF	Quỹ Phát triển Châu Á
BQLDA	Ban Quản lý Dự án
DATC	Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng tại doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
MFF	Khung Tín dụng Đa Dự án
OCR	Nguồn vốn thông thường
SCIC	TCT Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
SRCGFP	Chương trình Hỗ trợ cải cách DNNN và quản trị công ty
SOWATCO	Tổng công ty Đường sông miền Nam
TCT	TCT

MỤC LỤC

I. BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	6
1.1. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH, CƠ QUAN ĐỀ XUẤT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	6
<i>i. Mô tả Chương trình.....</i>	6
1.1.1. Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty.....	6
1.1.2. Mục tiêu.....	7
1.1.3. Các Hợp phần của Chương trình.....	7
<i>ii. Các cơ quan chịu trách nhiệm về Chương trình.....</i>	8
1.2.1. Cơ quan đề xuất Chương trình.....	8
1.2.2. Cơ quan điều hành Chương trình.....	9
1.2.3. Đơn vị thực hiện Dự án.....	9
1.2.4. Tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp.....	9
1.2. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN.....	10
1.3. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN.....	10
1.4. NGUỒN TÀI CHÍNH CHO CHƯƠNG TRÌNH.....	11
II. BỐI CẢNH VÀ CĂN CỨ CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	13
1. CƠ SỞ NỀN TẢNG.....	13
1.1. Môi trường kinh tế vĩ mô và chính sách phát triển của đất nước:.....	13
1.2. Căn cứ pháp lý của Chương trình.....	15
1.5. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	16
1.6. SỰ PHÙ HỢP CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	17
1.7. Sự phù hợp của Chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.....	17
1.8. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ.....	17
1.9. QUAN HỆ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC.....	18
1.10. SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	18
III. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH.....	21
1. QUY MÔ CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	21
1.11. THỜI GIAN THỰC HIỆN.....	21
1.12. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN.....	22
1.13. TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP.....	22
1.14. Tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp.....	22
1.15. Quy trình lựa chọn các đơn vị tham gia.....	24
1.16. CÁC HỢP PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	24
1.17. NGUỒN VỐN CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	26
1.18. Vốn vay ADB.....	26
1.19. Vốn đối ứng.....	26
1.20. DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN VAY.....	27
1.21. Sử dụng vốn vay.....	27
1.22. Phân bổ Khoản vay lần 1.....	27
7.2.1. Nguồn vốn thông thường OCR.....	28
7.2.2. Nguồn vốn ưu đãi ADF.....	28
1.23. NGUỒN VÀ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VỐN VAY.....	29
1.24. Nguồn trả nợ vốn vay.....	29
8.1.1. Tổng công ty Sông Đà.....	30
8.1.2. Tổng công ty Đường sông miền Nam.....	32
8.1.3. Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.....	32
1.25. Đánh giá khả năng trả nợ.....	33
8.2.1. Tổng công ty Sông Đà.....	33
8.2.2. Tổng công ty Đường sông miền Nam.....	35
8.2.3. Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.....	35
1.26. SẢN PHẨM CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	36
1.27. Sản phẩm của Chương trình.....	36
1.28. Sản phẩm của Khoản vay lần 1.....	38
9.2.1. Đối với TCT Sông Đà.....	38
9.2.2. Đối với TCT Sovatco.....	38
9.2.3. Đối với Công ty DATC.....	39

1.29. TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	39
1.30. Tác động của Chương trình	39
1.31. Hiệu quả của Chương trình	40
1.32. TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN.....	40
1.33. CÁC ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÍA NHÀ TÀI TRỢ.....	41
1.34. Từ phía Chính phủ Việt nam.....	41
1.35. Từ phía các đơn vị thực hiện Dự án.....	42
1.36. Cam kết của các đơn vị tham gia Khoản vay lần 1	43
IV. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN.....	44
1. PHƯƠNG THỨC CHO VAY.....	44
1.1. Phương thức cho vay của ADB.....	44
1.2. Phương thức Chính phủ cho các đơn vị vay lại.....	45
2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC GIẢI NGÂN.....	47
V. VẬN HÀNH DỰ ÁN.....	48
1. CƠ QUAN CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, GIÁM SÁT	48
2. CƠ CHẾ GIÁM SÁT.....	50
2.1. Bộ Tài chính.....	50
1.37. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện Dự án.....	50
2.2. Đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị tham gia Dự án:	51
VI. ĐÁNH GIÁ RỦI RO.....	53
3. RỦI RO VỀ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU.....	53
4. RỦI RO TỶ GIÁ.....	53
5. RỦI RO THAM NHŨNG.....	53

I. BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH, CƠ QUAN ĐỀ XUẤT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

i. Mô tả Chương trình

1.1.1. *Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty*

Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và hỗ trợ quản trị công ty (Chương trình) gắn liền với chương trình đầu tư cho việc cải cách khối doanh nghiệp nhà nước; là Chương trình tái cơ cấu tài chính (tái cơ cấu nợ, tái cấu trúc doanh nghiệp) và tái cơ cấu quy trình quản lý, quản trị cho các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho các đơn vị qua tham gia chương trình/dự án thành phần tăng cường năng lực tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, cải thiện khả năng trả nợ, đồng thời đổi mới cơ cấu doanh nghiệp hoạt động tập trung theo các ngành nghề chính và nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp.

Chương trình được thiết kế như một chương trình đa dự án, gồm các dự án thành phần do các đơn vị được lựa chọn thực hiện tham gia Chương trình. Chương trình được thực hiện thông qua một khoản tín dụng của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Khoản vốn vay này Ngân hàng phát triển Châu Á cho Chính phủ Việt Nam (Chính phủ) vay và được Chính phủ cho các đơn vị thực hiện Dự án vay lại.

Khoản tín dụng được ADB cung cấp theo thể thức vay phân kỳ (MFF). Theo đó, Chương trình được thực hiện theo các giai đoạn với các khoản vay cho từng giai đoạn. Tổng giá trị của Khoản vay MFF (Khoản vay khung) không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý đối với bên cho vay hoặc bên vay. Các ràng buộc về mặt pháp lý phát sinh khi các khoản vay theo kỳ trong khoản vay khung được ADB cam kết cho vay.

Chương trình được thực hiện trong giai đoạn từ 12/2009 đến 31/12/2015 với tổng giá trị Khoản vay là 630 triệu USD, bao gồm 600 triệu USD vay từ nguồn vốn thông thường (OCR) dựa trên lãi suất LIBOR và 30 triệu USD vay ưu đãi từ nguồn vốn đặc biệt của Quỹ Phát triển Châu Á (ADF), trong đó Khoản vay lần 1 được thực hiện trong giai đoạn 2009 – 2012 có giá trị là 130 triệu USD, bao gồm 120 triệu vốn OCR và 10 triệu vốn ADF.

Chương trình bao gồm hai hợp phần: (i) Hợp phần Tái cấu trúc tài chính; và (ii) Hợp phần Tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị.

Các đơn vị thực hiện Dự án là các DNNN và các tổ chức nhà nước được lựa chọn theo tiêu chí: (i) cam kết sẵn sàng cải tổ, (ii) sự phù hợp của các doanh nghiệp với chiến lược quốc gia và chiến lược ngành của ADB, và phù hợp với kế hoạch và chiến lược cải cách, đổi mới của Chính phủ đối với khu vực DNNN; và (iii) năng lực

tài chính của các doanh nghiệp sau tái cơ cấu trong khuôn khổ Dự án có sự thay đổi tích cực, bao gồm khả năng niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Tham gia Khoản vay lần 1 là các đơn vị đã được Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty do ADB tài trợ (Dự án TA 4911-VIE) lựa chọn và đề xuất, bao gồm:

- (1) Tổng công ty Sông Đà (TCT Sông Đà);
- (2) Tổng công ty Đường sông miền Nam (TCT SOWATCO);
- (3) Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (Công ty DATC).

1.1.2. Mục tiêu

Mục tiêu ngắn hạn:

Tái cấu trúc nợ để cải thiện tình hình tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới quy trình hoạt động hoặc quản lý; đổi mới thể chế nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của các DNNN.

Mục tiêu dài hạn:

+ Tạo ra các doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, tận dụng tối ưu hơn các nguồn lực, có tình hình tài chính mạnh tạo ra tính cạnh tranh cao hơn;

+ Thúc đẩy việc chuyển đổi, cổ phần hóa tại các doanh nghiệp lớn này nhanh hơn, hiệu quả hơn, qua đó góp phần đẩy nhanh việc giảm thiểu sự can thiệp của Chính phủ, phân tách chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh.

+ Việc tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả được thực hiện trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung, tình hình tài chính khỏe hơn và hiệu quả; phương thức quản trị doanh nghiệp được đổi mới và tốt hơn.

Mục tiêu của Khoản vay lần 1: gắn liền với tôn chỉ của các mục tiêu dài hạn trên và được cụ thể hoá thành các hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, thể hiện qua các biện pháp:

+ Các TCT: Sông Đà, SOWATCO sẽ được tái cơ cấu lại thành các TCT con hoạt động chuyên ngành hoặc cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh tập trung vào ngành nghề mà các TCT này có khả năng cạnh tranh;

+ Đối với Công ty DATC, thể chế hoạt động được hoàn thiện, quy trình quản lý và hoạt động được xác định rõ ràng; và

+ Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp và quy trình quản lý của TCT Sông Đà, TCT SOWATCO và Công ty DATC.

1.1.3. Các Hợp phần của Chương trình

Chương trình đề xuất 02 Hợp phần, bao gồm:

- (i) Hợp phần Tái cấu trúc tài chính; và

(ii) Hợp phần Tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Hợp phần Tái cấu trúc tài chính: bao gồm (i) tái cơ cấu nợ và (ii) tái cấu trúc doanh nghiệp. Trong đó, tái cơ cấu nợ giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực Bảng cân đối kế toán bằng việc thay thế các khoản vay ngắn hạn, lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn, lãi suất hợp lý, qua đó cải thiện dòng tiền và khả năng trả nợ của các TCT, tạo thêm nguồn lực phục vụ quá trình kinh doanh. Tái cấu trúc doanh nghiệp giúp các TCT có nguồn lực¹ để cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung theo ngành nghề kinh doanh chủ yếu.

Hợp phần Tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị: bao gồm (i) tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và (ii) nâng cao năng lực quản trị. Trong đó, tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp giúp doanh nghiệp xây dựng định hướng phát triển (có thể bao gồm chiến lược và kế hoạch phát triển doanh nghiệp) và tổ chức thực hiện thông qua thông qua sử dụng nguồn lực tại Hợp phần trên.

Định hướng phát triển sẽ chú trọng vào hoạt động kinh doanh bằng cách loại bỏ những ngành kinh doanh phụ, chỉ tập trung vào những ngành kinh doanh chính và thành lập các TCT con (công ty mẹ là công ty cổ phần/hoặc TNHH một thành viên) hoạt động trong từng lĩnh vực kinh doanh chính. Những công ty con đang tồn tại sẽ được chuyển về các TCT con, trong đó, điều lệ của những TCT con cổ phần (công ty mẹ và các công ty con là công ty cổ phần) sẽ phù hợp với điều lệ mẫu do Bộ Tài chính ban hành cho những doanh nghiệp niêm yết. Việc quản lý những doanh nghiệp trong cùng ngành sẽ được tập trung về các TCT con.

Nội dung nâng cao năng lực quản trị giúp các TCT rà soát và hoàn thiện các nguyên tắc quản trị và quy trình kinh doanh phù hợp với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa để áp dụng trong toàn TCT. Hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và hệ thống công nghệ thông tin sẽ được tiêu chuẩn hóa. Những hướng dẫn và nguyên tắc tốt nhất sẽ được áp dụng cho bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận quản trị rủi ro. Các sổ tay hướng dẫn và qui trình chuẩn sẽ được xây dựng cho toàn bộ qui trình sản xuất, kinh doanh chính. Hệ thống nhân lực sẽ được hiện đại hoá, việc đào tạo nhân công và cấp quản lý trong những bộ phận quản trị doanh nghiệp, bộ phận quản lý rủi ro và quản lý Chương trình sẽ được nâng cao năng lực của hệ thống.

Thêm vào đó, Hợp phần này sẽ hỗ trợ tăng cường năng lực đối với những thể chế có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình sắp xếp, chuyển đổi DNNN. Cụ thể trong Giai đoạn 1 là DATC.

ii. Các cơ quan chịu trách nhiệm về Chương trình

1.2.1. Cơ quan đề xuất Chương trình

¹ Việc tái cấu trúc doanh nghiệp sẽ bao gồm cả việc mua, bán doanh nghiệp trên thị trường (trong trường hợp cần thiết)

Với chức năng xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại DNNN; hỗ trợ tài chính của Nhà nước vào các doanh nghiệp nói chung và giải quyết chính sách khi sắp xếp lại DNNN; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách của Nhà nước về tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất/chủ quản Chương trình “Hỗ trợ Cải cách DNNN và quản trị công ty (SRCGFP)”.

1.2.2. Cơ quan điều hành Chương trình

Bộ Tài chính là Cơ quan chủ quản của Chương trình, theo đó Bộ Tài chính sẽ là Cơ quan điều hành Chương trình, chịu trách nhiệm giám sát và thực hiện Chương trình bao gồm các hoạt động như chuẩn bị đề xuất rút vốn định kỳ; giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình; lập báo cáo kết quả theo quý và hàng năm và chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thống nhất trong việc triển khai thực hiện Chương trình. Ngay sau khi Thỏa thuận tài trợ được phê duyệt, Bộ Tài chính sẽ thành lập một Ban Chỉ đạo và một BQLDA để chỉ đạo, quản lý, điều hành và theo dõi hoạt động của Chương trình.

1.2.3. Đơn vị thực hiện Dự án

Đơn vị thực hiện Dự án là các Tập đoàn, TCT/doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp) và các tổ chức nhà nước tham gia Chương trình được lựa chọn theo các tiêu chí nêu tại mục 1.2.4 điểm này.

1.2.4. Tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp

Các tiêu chí cơ bản để lựa chọn các doanh nghiệp tham gia vào Dự án:

- (1) Cam kết sẵn sàng cải tổ;
- (2) Sự phù hợp của các doanh nghiệp với chiến lược quốc gia và chiến lược ngành của ADB, và với kế hoạch và chiến lược sắp xếp đổi mới DNNN của Chính phủ Việt Nam; và
- (3) Năng lực tài chính của các doanh nghiệp sau tái cơ cấu của Dự án, bao gồm cả khả năng niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Cụ thể như sau:

i) Cam kết sẵn sàng cải tổ. Nội dung cơ bản của Chương trình “Hỗ trợ Cải cách DNNN và quản trị công ty” bao gồm tái cơ cấu tài chính (bao gồm cả tái cấu trúc doanh nghiệp) và tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Trong đó, việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp là khâu khó khăn, phức tạp do gắn liền với việc thay đổi bộ máy tổ chức, quy trình nghiệp vụ hiện hành tại các doanh nghiệp. Tuy nhiên việc thay đổi này là cần thiết nhằm thực hiện có quả nội dung tái cấu trúc tài chính (sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ), do đó doanh nghiệp phải thể hiện sự quyết tâm và cam kết sẵn sàng thực hiện các nội dung này để mang lại thành công cho chính doanh nghiệp.

ii) Sự phù hợp về chiến lược. Việc lựa chọn các doanh nghiệp sẽ tập trung vào các lĩnh vực phù hợp với hoạt động quốc gia của ADB được nêu trong Chiến lược hợp tác quốc gia. Các doanh nghiệp được lựa chọn sẽ phải phù hợp với chiến lược cải tổ khu vực DNNN của ADB, cũng như kế hoạch của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa các DNNN còn lại nói riêng và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011-2015, chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 nói chung.

iii) Năng lực tài chính. Năng lực tài chính và năng lực hoạt động của doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết cho việc tham gia Dự án. Việc sử dụng các khoản vay của ADB và cơ cấu lại hoạt động giúp cho các đơn vị tham gia tạo ra nhiều lợi nhuận, tối đa hoá lợi ích cho nhà đầu tư và tiếp cận được với các thị trường vốn. Trước khi các đơn vị tham gia Dự án, phải thực hiện việc phân tích tài chính và hoạt động nhằm đánh giá năng lực hoạt động của công ty. Điều này sẽ bao gồm việc giảm thiểu hoặc loại bỏ các mảng hoạt động làm giảm năng lực tài chính của doanh nghiệp. Năng lực tài chính của các doanh nghiệp phải đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vốn vay lại.

Kết quả cuối cùng của việc các đơn vị tham gia Khung tín dụng này là nâng cao năng lực của Bảng cân đối tài chính doanh nghiệp thông qua trực tiếp cơ cấu lại các khoản nợ, gia tăng giá trị tiềm năng của doanh nghiệp; hình thành các TCT/doanh nghiệp lớn hoạt động tập trung và hiệu quả, có khả năng sinh lời và có năng lực cạnh tranh toàn cầu với mô hình quản trị doanh nghiệp tốt; điều này cũng tối đa lợi ích hoàn lại cho Chính phủ khi doanh nghiệp được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Đối với Khoản vay lần 1, các đơn vị thực hiện Dự án là các TCT/doanh nghiệp đã được Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty do ADB tài trợ (Dự án TA 4911-VIE) lựa chọn và đề xuất, thoả mãn đầy đủ các tiêu chí chung nêu trên, bao gồm:

- Tổng công ty Sông Đà;
- Tổng công ty Đường sông miền Nam;
- Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

1.2. LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện Chương trình theo khung MFF là sáu (06) năm từ tháng 12/2009 cho đến 12/2015, trong đó, Giai đoạn 1 là 3 năm từ 12/2009 đến 12/2012. Sau thời điểm 31/12/2015, sẽ không có Yêu cầu vay vốn định kỳ nào được chấp thuận. Việc giải ngân cho các Yêu cầu vay vốn định kỳ sẽ được thực hiện trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi Yêu cầu vay vốn định kỳ được chấp thuận.

1.3. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

Các đơn vị thực hiện là các DNNN và các tổ chức nhà nước được lựa chọn trên cơ sở các tiêu chí đã được xác định. Do đó, địa điểm thực hiện Dự án là địa điểm của Bộ Tài chính tại Hà Nội và địa điểm của các doanh nghiệp được lựa chọn để tham gia Dự án thành phần tại Trụ sở chính của các doanh nghiệp.

1.4. NGUỒN TÀI CHÍNH CHO CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế như một Khung tín dụng theo thể thức vay phân kỳ nhằm tạo khuôn khổ linh hoạt như đã nêu ở phần 1.1 cho việc thực hiện dự án. Nguồn vốn của Chương trình bao gồm 2 nguồn: nguồn vốn thông thường (OCR) và nguồn vốn vay ưu đãi từ Quỹ Phát triển Châu Á (ADF).

Khoản vay từ nguồn vốn thông thường được thực hiện với những điều kiện sau:

- Lãi suất: Dựa trên LIBOR
- Thời hạn cho vay: 25 năm
- Thời gian ân hạn: 5 năm
- Phí cam kết: 0,15%/năm
- Các điều khoản khác: Theo Hiệp định khung và bổ sung cho từng Hợp đồng vay

Chính phủ Việt Nam sẽ cho các doanh nghiệp vay lại toàn bộ khoản vay từ nguồn vốn thông thường này. Các điều kiện cho vay lại sẽ phải tuân thủ các quy định của Chính phủ Việt Nam và được ADB chấp thuận.

Khoản vay từ nguồn vốn thông thường được sử dụng để hỗ trợ tái cấu trúc tài chính (bao gồm tái cấu trúc nợ và tái cấu trúc doanh nghiệp) của các doanh nghiệp.

Khoản vay ưu đãi sẽ được thực hiện với các điều kiện sau:

- Lãi suất: 1% trong thời gian ân hạn và 1,5% trong thời gian sau đó
- Thời hạn cho vay: 32 năm
- Thời gian ân hạn: 8 năm
- Phí cam kết: -
- Các điều khoản khác: Theo Hiệp định khung và bổ sung cho từng Hợp đồng vay

Chính phủ cũng sẽ cho các đơn vị thực hiện Dự án vay lại toàn bộ khoản vay ưu đãi bằng loại tiền tệ đi vay hoặc bằng tiền đồng, với điều kiện cho vay lại theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cộng thêm những chi phí khác được Chính phủ quyết định và được ADB chấp thuận.

Khoản vốn vay ưu đãi sẽ được sử dụng để phục vụ tái cơ cấu hoạt động cho các đơn vị thực hiện Dự án và để nâng cao năng lực thể chế cho một số tổ chức quan trọng đối với tiến trình cải cách DNNN.

Tổng giá trị khoản vay đối với toàn Chương trình là 630 triệu USD, bao gồm khoản vay từ nguồn vốn thông thường là 600 triệu USD và khoản vay ưu đãi là 30 triệu USD. Trong đó:

Khoản vay đầu tiên đã được xác định là 130 triệu USD, bao gồm:

- i) 120 triệu USD là từ nguồn vốn thông thường, được sử dụng để cho TCT Sông Đà và SOWATCO vay lại nhằm tái cơ cấu nợ, tái cấu trúc doanh nghiệp như đã thỏa thuận với ADB; và
- ii) 10 triệu USD từ nguồn vốn ưu đãi ADF, được cho vay lại nhằm thực hiện hoạt động nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và quản trị công ty tại TCT Sông Đà và SOWATCO như đã thỏa thuận với ADB và nhằm triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của DATC như đã được cam kết. Chi tiết phân bổ Khoản vay lần 1 được mô tả tài phần cơ chế tài chính

Vốn đối ứng trong nước: Chính phủ Việt Nam và các đơn vị thực hiện Dự án huy động và bố trí một khoản vốn đối ứng trong nước phục vụ cho các hoạt động liên quan tới việc hỗ trợ của ADB và các hoạt động quản lý điều hành Dự án.

Vốn đối ứng để chi cho Ban quản lý tại Bộ Tài chính được bố trí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn hỗ trợ khác (nếu có) để duy trì hoạt động của Ban quản lý. Khoản vốn này dự kiến cho Giai đoạn 1 được thực hiện trong thời gian 3 năm là 1.529.400.000 VNĐ (Chi tiết vốn đối ứng tại Phụ lục đính kèm).

Vốn đối ứng của các đơn vị thực hiện Dự án do các đơn vị tự bố trí nguồn hạch toán vào chi phí của đơn vị. Cụ thể:

- Dự án thành phần tại TCT Sông Đà dự kiến: 1.160.000.000VNĐ/năm + 990.000 USD
- Dự án thành phần tại TCT Sowatco dự kiến: 1.980.000.000 VNĐ
- Dự án thành phần tại Công ty DATC dự kiến: 80.000 USD – 160.000 USD

(Chi tiết nguồn vốn đối ứng của các đơn vị thực hiện Dự án được trình bày tại các Văn kiện dự án thành phần của các đơn vị kèm theo đây.)

II. BỐI CẢNH VÀ CĂN CỨ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. CƠ SỞ NỀN TẢNG

1.1. Môi trường kinh tế vĩ mô và chính sách phát triển của đất nước:

Sau giai đoạn phát triển mạnh mẽ, kể từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với những thách thức vô cùng to lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh từ 8,5% trong năm 2007 xuống còn 6,25% vào năm 2008, mức thấp nhất trong vòng một thập kỉ qua. Trong khi đó, chi phí nguồn vốn đầu vào và giá nguyên liệu, năng lượng cũng tăng vọt. Kết quả của những thực tế trên là tỉ lệ lạm phát cao nhất trong lịch sử (28% trong quý 2 năm 2008) và thâm hụt cán cân thương mại một cách đáng kể. Đồng Việt Nam cũng phải gánh chịu sự sụt giảm nghiêm trọng về giá trị. Trước tình trạng kể trên, Chính phủ đã có những chính sách can thiệp mạnh mẽ nhằm bình ổn nền kinh tế, kiểm soát tỉ lệ lạm phát, mặc dù đà tăng trưởng cải thiện không đáng kể. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ cũng đã đẩy mạnh chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, tuy nhiên lại đẩy lên mối lo ngại về sự giảm giá của đồng tiền và thâm hụt tài chính.

Khu vực kinh tế Nhà nước có vai trò quan trọng và ảnh hưởng không nhỏ đối với nền kinh tế Việt Nam như năm 2007, khối DNNN ước tính đóng góp 40% GDP và sử dụng khoảng 30% tổng nguồn vốn tín dụng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, chính những yếu kém từ khối ngân hàng và nhóm doanh nghiệp này đã gây cản trở không nhỏ cho việc triển khai các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm bình ổn nền kinh tế và tài chính. Theo phân tích mới nhất trong nước, Việt Nam tạm thời chưa phải chịu những rủi ro cao từ các khoản nợ lớn mặc dù nền kinh tế đã sụt giảm trong thời gian gần đây. Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận với những khoản nợ dài hạn và đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành xuất khẩu. Tuy nhiên, những khoản nợ trong khu vực DNNN bao gồm cả những khoản nợ nội địa, sẽ cần phải được quản lý cẩn thận hơn do tình trạng suy thoái của mạng lưới tài chính tổng thể, bởi những khoản nợ tiềm tàng bao gồm những khoản nợ có ảnh hưởng đối với các DNNN sẽ có tác động lớn đến bối cảnh này.

Trước vai trò quan trọng của khu vực kinh tế Nhà nước, Chính phủ đã có những chính sách đặc biệt đối với các DNNN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy năng lực của khối doanh nghiệp này để tạo ra những tác động có lợi đối với nền kinh tế quốc dân. Và đây cũng là một nội dung trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Với nhận thức rõ ràng những lợi ích của cơ chế kinh tế thị trường có thể mang lại cho nền kinh tế xã hội đang chuyển đổi của Việt Nam, từ cuối thập niên 80, Chính phủ đã đưa ra những chính sách cải cách cơ cấu kinh tế rất triệt để nhằm mục đích chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó nổi bật là chính sách đổi mới, sắp xếp và chuyển đổi sở hữu khu vực DNNN. Chuyển đổi sở hữu và cải cách các DNNN có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm thiểu tình trạng sản xuất kém hiệu quả của khu vực kinh tế này, thúc đẩy sự phát

triển của khu vực kinh tế tư nhân và củng cố tính phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ Việt Nam. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ trong giai đoạn 2006-2010 cũng nhấn mạnh loại hình kinh tế đa sở hữu (cổ phần hóa) nhằm tăng tính hiệu quả và tính cạnh tranh của các DNNN. Bên cạnh việc mở rộng quy mô và phạm vi cổ phần hóa các DNNN, kế hoạch này cũng nhằm thu hẹp và loại bỏ sự can thiệp trực tiếp của các Bộ và các cơ quan Chính phủ khác trong công tác quản trị, điều hành tại các DNNN. Theo kế hoạch này, các DNNN được sắp xếp lại theo các hình thức chuyển đổi sở hữu, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển thành công ty TNHH một thành viên hoặc đơn vị sự nghiệp, giải thể, phá sản; trong đó chủ yếu là thực hiện theo cổ phần hoá DNNN. Tính đến 31/12/2008, Việt Nam đã sắp xếp được 5420 doanh nghiệp; trong đó, 3841 doanh nghiệp sắp xếp theo hình thức cổ phần hoá, 1579 doanh nghiệp được sắp theo các hình thức còn lại. Việc chuyển đổi DNNN thành công ty cổ phần được thực hiện cả đối với các TCT, Tập đoàn. Cũng theo kế hoạch, đến 1/7/2010 phải thực hiện sắp xếp chuyển đổi công ty Nhà nước, công ty mẹ Tập đoàn, TCT hoặc Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành các doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hoá nhưng chưa cổ phần hoá được thì chuyển sang công ty TNHH một thành viên, sau 1/7/2010 sẽ tiếp tục cổ phần hoá. Theo đó, Chính phủ đã có kế hoạch sắp xếp 71 TCT (Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2006). Nhìn chung, sau khi cổ phần hoá nhiều doanh nghiệp đã hoạt động hiệu quả hơn trước đây.

Tuy nhiên, quá trình cải cách các DNNN đã và đang gặp phải những thách thức không nhỏ. Thứ nhất, tiến trình cải cách diễn ra chậm chạp. Thứ hai, phạm vi cải cách vẫn chưa được mở rộng tối đa. Thực tế, phần lớn những doanh nghiệp được cổ phần hoá tính đến năm 2006 đều có quy mô nhỏ: 46% có vốn điều lệ dưới 5 tỷ đồng, dẫn đến việc những công ty quy mô nhỏ sau khi được cổ phần hoá vẫn phải dựa vào những DNNN lớn hơn nhằm tìm kiếm nguồn vốn, doanh thu cũng như các hỗ trợ về quản trị và kỹ thuật khác; nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một lĩnh vực, không phối hợp với nhau. Thứ ba, sự kiểm soát của nhà nước trong các công ty sau cổ phần hoá vẫn được duy trì. Thực tế, Nhà nước luôn nắm cổ phần chi phối (trên 50%) trong các doanh nghiệp này. Doanh nghiệp càng lớn thì số lượng cổ phần do Nhà nước nắm giữ càng cao và trong nhiều trường hợp làm giảm khả năng sinh lợi dẫn tới giảm lợi nhuận từ các nhà đầu tư bên ngoài, đồng thời giảm số cổ phần có thể chào bán. Đây mới chỉ là 3 trong số rất nhiều những trở ngại đối với chương trình cải cách các DNNN.

Từ những kinh nghiệm có được trong cải cách các DNNN cho thấy cổ phần hóa chỉ là một bước trong toàn bộ quá trình chuyển đổi các DNNN. Quá trình chuyển đổi và cải cách các DNNN chỉ đạt được hiệu quả mong muốn khi phải được thực hiện đồng thời, và phải được phối hợp với các bước khác bao gồm lập kế hoạch chiến lược về kinh doanh, tái cơ cấu doanh nghiệp (DN) và cơ cấu tài chính, thu hút đầu tư và tài trợ cho DN, thành lập các quan hệ liên kết làm gia tăng giá trị, thực hiện quản trị một cách minh bạch. Đồng thời, tăng cường đào tạo cho các cấp quản lý và cán bộ công nhân viên của các DN về thị trường, hiện đại hóa hệ thống thông tin quản trị và hệ thống phát triển nguồn nhân lực, và niêm yết trên sàn chứng khoán (nếu có thể) là những bước tiếp theo và cũng là thử thách mà một DN đã cổ phần hóa cần phải quan

tâm nhằm chuyển đổi một cách đầy đủ và hiệu quả. Xác định rõ vai trò của các chủ sở hữu và của các cấp quản lý, nâng cao năng lực quản trị DN, tăng cường khả năng tài chính, xây dựng chiến lược kinh doanh tập trung là những thách thức lớn trong quá trình chuyển đổi các DN đã cổ phần hóa. Kết quả của việc tái cơ cấu và chuyển đổi thành công là giúp được niềm yết trên thị trường chứng khoán. Đây cũng chính là tính bền vững cho một chương trình cải cách và phát triển kinh tế.

1.2. Căn cứ pháp lý của Chương trình

Các chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ đối với khu vực DNNN đã được khẳng định rõ ràng, cụ thể theo đó tiếp tục đẩy mạnh việc tái cơ cấu tổ chức và đổi mới các DNNN nhằm tăng cường hiệu quả, khả năng cạnh tranh và hội nhập với thị trường trong bối cảnh của nền kinh tế thế giới.

Chính phủ đã xây dựng và phát triển cơ chế pháp lý cho quá trình chuyển đổi của các DNNN, bao gồm một khung pháp lý chung cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả các DNNN) và một khung pháp lý riêng áp dụng cho các DNNN trong quá trình sắp xếp, đổi mới. Khung pháp lý hiện hành áp dụng cho quá trình cải cách các DNNN gồm có (i) Luật DNNN, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, (ii) các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện cổ phần hóa, (iii) các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện đối với các hình thức chuyển đổi, (iv) các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi thành mô hình Công ty mẹ - Công ty con, và (v) các văn bản quy định và hướng dẫn quản lý và giám sát tài chính trong các DNNN.

Tại Văn bản số 854/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị về việc cải cách các DNNN. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho “các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế, tổng công ty 91” phải “xây dựng Đề án điều chỉnh tiến độ thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đảm bảo đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2010 tất cả các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hiện có đều chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong quy III năm 2009”.

Tiếp đó, tại công văn số 1151/TTg-ĐMDN ngày 14 tháng 7 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ nhân mạnh thêm vào nhiệm vụ chuyển đổi, cổ phần hoá các DNNN, cụ thể: “những doanh nghiệp trong diện cổ phần hoá, đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2010 mà chưa thể thực hiện chuyển đổi được thì trước mắt chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu và sẽ cổ phần hoá sau năm 2010”.

Chương trình bám sát các nguyên tắc, quy định hiện hành của Nhà nước tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Quyết định số 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức

của nhóm 5 ngân hàng; Quyết định số 181/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ. Đồng thời, tại Công văn số 1957/TTg-QHQT ngày 16/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến về việc phê duyệt danh mục chương trình “Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty” vay vốn ADB.

Những văn bản pháp lý nêu trên cho thấy yêu cầu cấp bách đối với việc đẩy nhanh tiến độ cải cách các DNNN. Với những nội dung và định hướng hỗ trợ của mình, có thể thấy Chương trình phù hợp với mục tiêu đổi mới và phát triển DNNN; cũng như những quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

1.5. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

➤ Mục tiêu ngắn hạn

Tái cấu trúc nợ để cải thiện tình hình tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới quy trình hoạt động hoặc quản lý; đổi mới thể chế nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của các DNNN.

➤ Mục tiêu dài hạn

+Tạo ra các doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, tận dụng tối ưu hơn các nguồn lực, có tình hình tài chính mạnh tạo ra tính cạnh tranh cao hơn;

+Thúc đẩy việc chuyển đổi, cổ phần hóa tại các doanh nghiệp lớn này nhanh hơn, hiệu quả hơn, qua đó góp phần đẩy nhanh việc giảm thiểu sự can thiệp của Chính phủ, phân tách chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh.

+Việc tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả được thực hiện trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung, tình hình tài chính khỏe hơn và hiệu quả; phương thức quản trị doanh nghiệp được đổi mới và tốt hơn.

Mục tiêu của Khoản vay lần 1 gắn liền với tôn chỉ của các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn chung của Chương trình nêu trên và được cụ thể hoá thành các hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, thể hiện qua các biện pháp dưới đây. Trong đó:

- Mục tiêu ngắn hạn:

Cơ cấu lại các khoản nợ ngắn hạn thành các khoản nợ dài hạn, tái cấu trúc doanh nghiệp; cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh; đổi mới quy trình hoạt động hoặc quản lý; đổi mới thể chế nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của từng TCT/DN.

- Mục tiêu dài hạn:

+ Các TCT: Sông Đà, Sowatco sẽ được tái cơ cấu lại theo hướng hoạt động chuyên ngành hoặc cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh tập trung vào ngành nghề mà các TCT này có khả năng cạnh tranh;

+ Đối với Công ty DATC là thể chế hoạt động được hoàn thiện, quy trình quản lý và hoạt động được xác định rõ ràng; và

+ Đối mới phương thức quản trị doanh nghiệp và quy trình quản lý của TCT Sông Đà, TCT Sowatco và Công ty DATC.

1.6. SỰ PHÙ HỢP CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1.7. Sự phù hợp của Chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ

Dự án phù hợp với mục tiêu đổi mới và phát triển DNNN của Chính phủ. Như đã phân tích ở trên, chuyển đổi và cải cách các DNNN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ Việt Nam. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ trong giai đoạn 2006-2010 cũng xác định rõ đẩy mạnh việc sắp xếp, chuyển đổi sở hữu nhằm tăng tính hiệu quả và tính cạnh tranh của các DNNN.

Cùng quan điểm với Chính phủ, ADB đã đưa ra kế hoạch và chương trình hành động quốc gia, nhấn mạnh rằng cải cách DNNN là trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế và tăng thêm việc làm tại khu vực kinh tế tư nhân, giảm bớt tham nhũng và tình trạng sử dụng sai nguồn lực chung của cộng đồng, tăng tính minh bạch của doanh nghiệp và thúc đẩy việc nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Rõ ràng, cải cách các DNNN là một phần quan trọng trong chính sách phát triển quốc gia.

Hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á đối với quá trình cải cách DNNN của Việt Nam đã được tiến hành từ một thập kỷ qua, với sự phê duyệt Chương trình Quản lý doanh nghiệp và cải cách Nhà nước năm 1999. ADB cũng đã tham gia đối thoại chính sách về DNNN thông qua các Chương trình tín dụng hỗ trợ và giảm nghèo hàng năm. Chương trình khoản vay hỗ trợ cải cách DNNN và quản trị công ty kế thừa và phù hợp với Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị cải cách DNNN và quản trị công ty do ADB tài trợ cho Chính phủ Việt Nam thông qua Bộ Tài chính.

Chương trình phù hợp với định hướng phát triển của các đơn vị thực hiện Dự án, được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; giúp cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và tự chủ về mọi mặt. Các đơn vị tham gia Dự án trở thành công ty điển hình hoặc có quy mô lớn có thể huy động vốn trên thị trường hoặc nâng cao vai trò đối với công cuộc cải cách khu vực kinh tế Nhà nước.

1.8. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ

Ngân hàng Phát triển Châu Á là một tổ chức rất tích cực hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực cải cách thể chế.

ADB đã hỗ trợ cải cách DNNN từ nhiều năm nay như hỗ trợ kỹ thuật về cải cách DNNN và quản lý công ty, kiểm toán DNNN và hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án chuẩn bị cải cách DNNN và quản trị công ty. Ngân hàng Phát triển Châu Á là nhà tài trợ lớn có năng lực và kinh nghiệm trong việc cung cấp hỗ trợ cải cách DNNN và quản trị

công ty. Việc hỗ trợ cải cách DNNN và quản trị công ty của ADB không chỉ dừng lại ở quá trình cổ phần hoá, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần mà còn giúp cho các doanh nghiệp có vốn Nhà nước phát triển bền vững. Điều này cũng phù hợp và đáp ứng yêu cầu phân cấp của phía Việt Nam quy định tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA.

1.9. QUAN HỆ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

Có rất nhiều Dự án cải cách các DNNN đã và đang được thực hiện. Mục tiêu chung của các Dự án này đều nhằm thúc đẩy sự phát triển và tăng cường tính hiệu quả của các DN này. Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Dự án Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty do ADB hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam thông qua Bộ Tài chính đã hỗ trợ việc xây dựng tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp. Xét về bản chất và mục tiêu cụ thể của Chương trình, Chương trình Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị DN do ADB tài trợ không trùng lặp với bất kỳ chương trình, dự án nào khác.

1.10. SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện sắp xếp lại và đổi mới phương thức hoạt động của DNNN đã góp phần đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp đã được nâng cao, giá trị doanh nghiệp đã được gia tăng và được định giá thông qua thị trường; vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp cũng đã được đổi mới theo phương thức đầu tư vốn thay vì phương thức quản lý theo kiểu hành chính trước đây. Tuy nhiên, cũng còn không ít doanh nghiệp chưa được đổi mới phương thức quản trị, năng lực quản lý còn hạn chế trong đó bao gồm cả các TCT Nhà nước lớn; phương thức quản lý đối với doanh nghiệp sau cổ phần chưa rõ ràng, cụ thể vì thiếu cách tiếp cận hợp lý trong việc cổ phần hóa và chuyển đổi các TCT.

Bên cạnh đó, tiến trình cổ phần hóa DNNN đang diễn ra rất chậm mặc dù thời gian còn lại để chuyển các doanh nghiệp này thành doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp chỉ còn gần 1 năm. Do đó, cần thiết phải hỗ trợ đổi mới DNNN và quản trị doanh nghiệp, với những nhân tố xúc tác cho tiến trình đổi mới DNNN bằng cách tiếp cận toàn diện giúp mang đến sự thành công trong việc cổ phần hóa và chuyển đổi các TCT thành những doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao trong nước và khu vực.

Sự chuyển đổi thành công các TCT được lựa chọn nằm trong bước đầu tiên của Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Dự án Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty, bao gồm việc xây dựng lại chiến lược kinh doanh, tái cơ cấu quy trình quản lý, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tái cơ cấu cấu trúc và tài chính nhằm tăng cường năng lực Bảng cân đối kế toán của các TCT. Nhận thức được mức độ phức tạp của việc cải cách, chuyển đổi thành công và toàn diện các DNNN lớn, Dự án bước đầu tập trung vào một số ít các TCT được lựa chọn, đảm bảo các TCT được lựa chọn cam kết hoàn toàn và chắc chắn thực hiện quá trình chuyển đổi, đặc biệt ở các tầng quản lý cấp trung và cấp cao. Việc lựa chọn dựa trên khả năng tái cơ cấu khoản vay, tính sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi, có cam kết thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tổ

chức, quy trình quản lý cũng như tài chính, và được Hội đồng quản trị và các Bộ ngành liên quan thông qua.

Ngoài ra, việc hỗ trợ doanh nghiệp tăng thêm tiềm lực tài chính thông qua cung cấp nguồn tín dụng bền vững cho quá trình chuyển đổi những TCT khác, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cải cách DNNN.

Với những đặc điểm trên, Chương trình Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty do ADB tài trợ đáp ứng được mục tiêu hỗ trợ quá trình cải cách khu vực DNNN tại Việt Nam diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn.

Trong Giai đoạn 1, có 03 doanh nghiệp thể hiện sự quan tâm tham gia vào Chương trình, bao gồm TCT Sông Đà, TCT Sowatco; Công ty DATC. Trong đó:

TCT Sông Đà là đơn vị đã hoàn thành sắp xếp các doanh nghiệp thành viên theo Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công ty mẹ của TCT Sông Đà không cổ phần hoá mà sẽ được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên. TCT Sông Đà được lựa chọn là đơn vị nòng cốt để thành lập Tập đoàn xây dựng và công nghiệp Việt Nam. Các công ty thành viên của TCT Sông Đà hiện nay chủ yếu hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, nhiều công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán (chi tiết tại Phụ lục đề án của TCT Sông Đà kèm theo).

TCT Sowatco đã hoàn thành sắp xếp, chuyển đổi các công ty thành viên và Công ty mẹ thành công ty cổ phần (chi tiết tại Phụ lục đề án của SOWATCO kèm theo).

Tuy nhiên, theo đánh giá của tư vấn Dự án chuẩn bị cải cách DNNN và quản trị công ty thì các TCT này có quá nhiều công ty thành viên có vốn trực tiếp của công ty mẹ TCT nắm giữ, trong đó nhiều công ty kinh doanh ngành nghề giống nhau, cạnh tranh nhau, TCT chưa có chính sách chi phối nhất quán đối với các công ty trong cùng TCT hoặc các công ty thành viên mở rộng ngành nghề kinh doanh mà các ngành nghề này không mang tính hỗ trợ cho ngành nghề mà TCT có thể mạnh trong cạnh tranh. Do đó làm giảm hiệu quả hoạt động cũng như hạn chế giá tăng giá trị doanh nghiệp trên thị trường vốn.

Đối với DATC là doanh nghiệp mới thành lập, hoạt động trong lĩnh vực đặc thù, kinh doanh mua bán nợ là lĩnh vực mới, kinh nghiệm chưa nhiều. Do đó, cần hoàn thiện văn bản pháp lý cũng như quy trình hoạt động của lĩnh vực này và năng lực quản lý điều hành.

Từ những đặc điểm trên, các doanh nghiệp này mong muốn được tham gia Chương trình. Các doanh nghiệp này đã có cam kết về sự sẵn sàng tham gia gửi Bộ Tài chính: công văn số 210/TCT/HĐQT ngày 21/8/2009 của TCT Sông Đà, công văn số 78/ĐSMN ngày 21/8/2009 của TCT Sowatco và công văn số 1248/CV-MBN ngày 25/08/2009 của Công ty DATC.

Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Dự án cải cách DNNN và quản trị công ty đã đánh giá, phân tích tình hình tài chính và hoạt động của các doanh nghiệp trên và các doanh nghiệp này cũng đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn tham gia Dự án. Theo đó

các Doanh nghiệp này đã được lựa chọn để thực hiện Giai đoạn 1 của Chương trình. Việc lựa chọn này là hoàn toàn phù hợp và cần thiết.

III. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. QUY MÔ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết lập theo một Khung tín dụng đa Dự án (MFF). Tổng giá trị của toàn bộ Chương trình hỗ trợ là 630 triệu USD, bao gồm 600 triệu USD từ nguồn vốn thông thường và 30 triệu USD từ nguồn vay ưu đãi. Khoản vay lần 1 được thực hiện trong giai đoạn 2009 – 2012 có giá trị là 130 triệu USD, bao gồm 120 triệu USD vốn thông thường và 10 triệu USD vốn ưu đãi. Khoản vay từ nguồn vốn thông thường được sử dụng để hỗ trợ tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp. Khoản vay từ nguồn vay ưu đãi để phục vụ tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp, tái cơ cấu hoạt động cho các đơn vị thực hiện Dự án và nhằm nâng cao năng lực thể chế cho một số tổ chức phục vụ quá trình cổ phần hóa như DATC. Chi tiết cho từng khoản vay được trình bày trong Phần IV – Cơ chế tài chính.

Kế hoạch tài trợ cho Dự án vay Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty cũng như cho khoản vay đầu tiên (Giai đoạn 1) theo MFF được chi tiết hóa trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Kế hoạch hỗ trợ tài chính

Nguồn	Số tiền	
	(triệu USD)	Tỉ lệ (%)
Nguồn vốn thông thường của ADB	600	95,2
Quỹ phát triển châu Á của ADB	30	4,8
Tổng cộng	630	100,0
Khoản vay lần 1		
Nguồn vốn thông thường ADB	120,0	92,3
Quỹ phát triển châu Á của ADB	10,0	7,7
Tổng cộng	130,0	100,0

1.11. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện Chương trình theo khung MFF là sáu năm, sẽ diễn ra từ tháng 12/2009 cho đến 12/2015. Trong đó, Giai đoạn 1 là ba năm từ 12/2009 đến 12/2012. Sau thời điểm 31/12/2015, sẽ không có Yêu cầu vay vốn định kỳ nào được chấp thuận. Việc giải ngân cho các Yêu cầu vay vốn định kỳ sẽ được thực hiện trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi Yêu cầu vay vốn định kỳ được chấp thuận.

1.12. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Các đơn vị thực hiện Dự án là các DNNN và các tổ chức nhà nước cam kết và sẵn sàng thực hiện công cuộc cải cách, phù hợp với kế hoạch và chiến lược của Chính phủ đối với khu vực DNNN và có khả năng độc lập về tài chính sau khi thực hiện tái cơ cấu theo tiêu chuẩn của Dự án cải cách DNNN và quản trị công ty, bao gồm khả năng niêm yết. Theo đó, các doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình sẽ được lựa chọn theo các tiêu chí tại điểm 4 dưới đây.

1.13. TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP

1.14. Tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp

Các đơn vị tham gia Chương trình sẽ được lựa chọn trên cơ sở các tiêu chí sau:

- (1) Cam kết sẵn sàng cải tổ;
- (2) Sự phù hợp của các doanh nghiệp với chiến lược quốc gia và chiến lược ngành của ADB, và với kế hoạch và chiến lược sắp xếp đổi mới DNNN của Chính phủ Việt Nam ; và
- (3) Năng lực tài chính của các doanh nghiệp sau tái cơ cấu của Chương trình, bao gồm cả khả năng niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Cụ thể như sau:

i) Cam kết sẵn sàng cải tổ. Nội dung cơ bản của Chương trình “Hỗ trợ Cải cách DNNN và quản trị công ty” bao gồm tái cơ cấu tài chính (bao gồm cả tái cấu trúc doanh nghiệp) và tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Trong đó, việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp là khâu khó khăn phức tạp do gắn liền với việc thay đổi bộ máy tổ chức, quy trình nghiệp vụ hiện hành tại các doanh nghiệp. Tuy nhiên việc thay đổi này là cần thiết nhằm thực hiện có quả nội dung tái cấu trúc tài chính (sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ), do đó doanh nghiệp phải thể hiện sự quyết tâm và cam kết sẵn sàng thực hiện các nội dung này để mang lại thành công cho chính doanh nghiệp.

Trước khi tham gia Chương trình SRCGFP, những doanh nghiệp phù hợp sẽ cần thỏa mãn những tiêu chuẩn sau:

- a) Thể hiện sự quan tâm chung trong việc tham gia Chương trình cấp tín dụng, bao gồm cả với ADB thông qua Bộ Tài chính – với vai trò đơn vị điều hành Chương trình
- b) Tiến hành rà soát toàn diện các thông số tài chính và hoạt động, trong đó tập trung vào việc đánh giá và xác định các lĩnh vực kinh doanh chính; hội tụ đầy đủ mục tiêu chiến lược, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong những lĩnh vực kinh doanh chính; và xây dựng kế hoạch đánh giá để củng cố bằng cân đối kế toán và quy trình kinh doanh nhằm tăng cường giá trị của doanh nghiệp đối với các nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác, thông qua cổ phần hóa và cuối cùng là niêm yết;

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn bên ngoài và nội bộ, hoàn thiện kế hoạch tái cơ cấu và thu thập cam kết từ Hội đồng quản trị và từ các Bộ hay các cơ quan cho việc phê duyệt các tiêu chuẩn tái cơ cấu đã đề xuất;

d) rà soát quy trình quản trị doanh nghiệp hiện hành, xác định những khoảng trống và kế hoạch phát triển toàn diện nhằm tái cơ cấu hoạt động và củng cố cơ chế quản trị doanh nghiệp;

e) Cần có sự tham gia của toàn bộ quản lý cấp cao và cấp trung vào quá trình tư vấn nhằm xem xét kỹ lưỡng và tăng cường thực hiện những thay đổi và cơ cấu dự kiến, bao gồm cả việc nâng cao quản trị doanh nghiệp;

f) Chuẩn bị sẵn sàng và một cách minh bạch những dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc phân tích hoạt động và tài chính, bao gồm những kế hoạch và Dự án đầu tư trung hạn;

g) Xin xác nhận của Bộ Tài chính cho việc tham gia Dự án cấp tín dụng.

ii) Sự phù hợp về chiến lược. Việc lựa chọn các doanh nghiệp sẽ tập trung vào các lĩnh vực phù hợp với hoạt động quốc gia của ADB được nêu trong Chiến lược hợp tác quốc gia. Các doanh nghiệp được lựa chọn sẽ phải phù hợp với chiến lược cải tổ khu vực DNNN của ADB, cũng như kế hoạch của Chính phủ về đổi mới, sắp xếp và chuyển đổi sở hữu các DNNN còn lại và cũng như kế hoạch dự kiến về cải cách DNNN phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2010-2015.

iii) Năng lực tài chính. Năng lực tài chính và năng lực hoạt động của doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết cho việc tham gia Chương trình. Việc sử dụng các khoản vay của ADB và cơ cấu lại hoạt động giúp cho các đơn vị tham gia tạo ra nhiều lợi nhuận, tối đa hoá lợi ích cho nhà đầu tư và tiếp cận được với các thị trường vốn. Trước khi các đơn vị tham gia Chương trình, phải thực hiện việc phân tích tài chính và hoạt động nhằm đánh giá năng lực hoạt động của công ty. Điều này sẽ bao gồm việc giảm thiểu hoặc loại bỏ các mảng hoạt động làm giảm năng lực tài chính của doanh nghiệp. Năng lực tài chính của các doanh nghiệp phải đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vốn vay lại.

Kết quả cuối cùng của việc các doanh nghiệp tham gia Khung tín dụng này là mở ra các giá trị tiềm năng cho các tài sản của doanh nghiệp thông qua chuyển đổi sang một hình thức doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có khả năng sinh lời và có năng lực cạnh tranh toàn cầu với mô hình quản trị doanh nghiệp tốt. Điều này cũng tối đa lợi ích hoàn lại cho Chính phủ khi doanh nghiệp được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Đối với Khoản vay lần 1, các đơn vị thực hiện là các doanh nghiệp đã được Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty do ADB tài trợ (Dự án **TA 4911-VIE**) lựa chọn và đề xuất, thoả mãn đầy đủ các tiêu chí chung nêu trên, bao gồm:

1. TCT Sông Đà;
2. TCT Sowatco;
3. Công ty DATC.

Các đơn vị này đều đã có văn bản khẳng định mối quan tâm sẵn sàng tham gia và cam kết thực hiện các điều kiện của Chương trình. Trên thực tế, các TCT/doanh nghiệp nêu trên đã phối hợp tích cực trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty.

1.15. Quy trình lựa chọn các đơn vị tham gia

Việc tham gia của các đơn vị vào các lần vay tiếp theo của Chương trình sẽ được thực hiện lựa chọn theo các tiêu chí nêu trên theo quy trình được quy định tại Hiệp định tín dụng khung. Theo đó, quy trình này sẽ bao gồm các bước tóm tắt sau:

i) Các đơn vị mong muốn tham gia sẽ tiến hành các buổi họp do Bộ Tài chính chủ trì, các Bộ, ngành liên quan tham gia về việc đề xuất tham gia Chương trình;

ii) Trên cơ sở ý kiến của tư vấn và sự phù hợp với kế hoạch và chiến lược của Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ thông báo cho ADB về những doanh nghiệp có khả năng tham gia Chương trình;

iii) ADB xác nhận về các đơn vị có khả năng tham gia Chương trình;

iv) Các đơn vị có khả năng tham gia Chương trình sẽ xây dựng và hoàn thiện các vấn đề theo yêu cầu của các tiêu chuẩn lựa chọn nêu trên;

v) Triển khai phân tích, đánh giá tình hình hoạt động và tình hình tài chính cũng như những điểm mạnh điểm yếu của các đơn vị tham. Đề xuất các biện pháp nhằm củng cố tình hình tài chính (bảng cân đối) để tăng cường giá trị doanh nghiệp.

vi) Hội đồng quản trị/cấp có thẩm quyền của các đơn vị đề xuất với Bộ Tài chính về thực hiện kế hoạch, phương thức tái cơ cấu và các bên tham gia của doanh nghiệp trong Chương trình;

vii) Trên cơ sở các thông tin do các đơn vị chuẩn bị, với sự hỗ trợ của tư vấn từ ADB. ADB và Bộ Tài chính sẽ thẩm định các Dự án thành phần của các doanh nghiệp;

viii) Sau khi các Dự án được ADB phê duyệt, Bộ Tài chính sẽ chuẩn bị Yêu cầu vay vốn định kỳ;

iv) Yêu cầu vay vốn định kỳ được trình bày chính thức với ADB để phê duyệt, thông qua Chính phủ Việt Nam.

1.16. CÁC HỢP PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đề xuất 02 Hợp phần, bao gồm:

(i) Hợp phần Tái cấu trúc tài chính; và

(ii) Hợp phần Tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Hợp phần Tái cấu trúc tài chính: bao gồm (i) tái cơ cấu nợ và (ii) tái cấu trúc doanh nghiệp. Trong đó, tái cơ cấu nợ giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực Bảng cân đối kế toán bằng việc thay thế các khoản vay ngắn hạn, lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn, lãi suất hợp lý, qua đó cải thiện dòng tiền và khả năng trả nợ của

các doanh nghiệp, tạo thêm nguồn lực phục vụ quá trình kinh doanh. Tái cấu trúc doanh nghiệp giúp các doanh nghiệp có nguồn lực² để cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung theo ngành nghề kinh doanh chủ yếu. Trọng tâm của tái cơ cấu tài chính yêu cầu:

- Tái cơ cấu nhiều nhất có thể các khoản vay ngắn hạn thành các khoản vay dài hạn nhằm giảm sức ép về thời gian trả nợ;
- Phối hợp giữa ngày đáo hạn các khoản vay với thời điểm thu hồi vốn từ các hạng mục đầu tư nhằm giảm rủi ro thanh khoản.
- Tìm kiếm khả năng sử dụng dịch vụ bảo lãnh vay của ADB để kéo dài thời gian đáo hạn các khoản vay hoặc các khoản vay với lãi suất ưu đãi hơn trước.
- Cần lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ để dự báo luồng tiền vào cũng như dự tính số lượng tiền cần có để thanh toán các khoản nợ đến hạn và các Dự án đang đầu tư.

Hợp phần Tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị bao gồm (i) tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và (ii) nâng cao năng lực quản trị. Trong đó, tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp giúp doanh nghiệp xây dựng định hướng phát triển (có thể bao gồm chiến lược và kế hoạch phát triển doanh nghiệp) và tổ chức thực hiện thông qua thông qua sử dụng nguồn lực tại Hợp phần trên. Trọng tâm của tái cấu trúc yêu cầu:

- Đơn vị trước tiên cần xây dựng chiến lược tập trung vào các nhóm ngành kinh doanh cụ thể.
- Với mỗi ngành kinh doanh, thiết lập các TCT con chuyên ngành và sắp xếp lại các công ty theo các lĩnh vực đó.
- TCT con có thể hướng các công ty cùng hoạt động trong cùng một lĩnh vực thông qua sáp nhập hoạt động của các công ty thành viên trong phạm vi có thể thông qua hoán đổi hoặc mua lại cổ phiếu.
- Đối với các lĩnh vực kinh doanh không mang tính chiến lược, đơn vị nên chọn thời điểm thích hợp để thoái đầu tư.
- Đơn vị sẽ điều động các cán bộ điều hành thích hợp, có chuyên môn trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể về quản lý các TCT con. Qua đó, đơn vị sẽ không trực tiếp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể nào ngoài việc quản lý các khoản đầu tư vào các TCT con.

Ngoài ra, để đảm bảo các đơn vị, các TCT con và các công ty con hoạt động một cách hiệu quả, cần xác định rõ vai trò, quy trình quản lý và cơ chế báo cáo từ các công ty con lên các TCT con và từ TCT con lên các đơn vị. Để đạt được mục tiêu này, các bên cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Các đơn vị nên đưa ra định hướng và chính sách chung, kiểm soát và bảo vệ lợi ích của Nhà nước trong các TCT con và đảm bảo tính tuân thủ hệ thống

² Việc tái cấu trúc doanh nghiệp sẽ bao gồm cả việc mua, bán doanh nghiệp trên thị trường (trong trường hợp cần thiết)

pháp luật hiện hành. Các đơn vị có thể được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên;

- Các TCT con phát triển và xây dựng kế hoạch chiến lược và báo cáo kết quả cho các đơn vị, quản lý hoạt động của các công ty con. Các đơn vị có thể cổ phần hóa các TCT con và sau đó niêm yết các công ty này trên sàn chứng khoán của địa phương hoặc của vùng nếu có thể;
- Các công ty con thực hiện kế hoạch chiến lược được giao, chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả hoạt động lên TCT con.

Nội dung nâng cao năng lực quản trị giúp các doanh nghiệp rà soát và hoàn thiện các nguyên tắc quản trị và quy trình kinh doanh phù hợp với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa để áp dụng trong toàn doanh nghiệp. Hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và hệ thống công nghệ thông tin sẽ được tiêu chuẩn hóa. Những hướng dẫn và nguyên tắc tốt nhất sẽ được áp dụng cho bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận quản trị rủi ro. Các sổ tay hướng dẫn và qui trình chuẩn sẽ được xây dựng cho toàn bộ qui trình sản xuất, kinh doanh chính. Hệ thống nhân lực sẽ được hiện đại hoá, việc đào tạo nhân công và cấp quản lý trong những bộ phận quản trị doanh nghiệp, bộ phận quản lý rủi ro và quản lý Chương trình sẽ được nâng cao năng lực của hệ thống .

Thêm vào đó, Hợp phần này sẽ hỗ trợ tăng cường năng lực đối với những thể chế có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình sắp xếp, chuyển đổi DNNN như DATC.

1.17. NGUỒN VỐN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1.18. Vốn vay ADB

Nguồn vốn vay hỗ trợ từ ADB bao gồm khoản vay từ nguồn vốn thông thường OCR và khoản vay ưu đãi từ nguồn vốn ưu đãi ADF. Nguồn vốn thông thường chủ yếu là vốn ADB huy động từ thị trường vốn quốc tế và một phần vốn góp của các nước hội viên. Khoản vay từ nguồn vốn thông thường sẽ phải chịu phí cam kết. Nguồn vốn vay ưu đãi chủ yếu là vốn do các nước hội viên đóng góp.

Tổng giá trị khoản vay của toàn Chương trình là 630 triệu USD, trong đó khoản vay từ nguồn vốn thông thường là 600 triệu USD và khoản vay ưu đãi là 30 triệu USD. Trong đó, Giá trị Khoản vay lần 1 là 130 triệu USD, trong đó 120 triệu USD là từ nguồn vốn thông thường, và 10 triệu USD vốn vay ưu đãi từ nguồn ADF.

1.19. Vốn đối ứng

Vốn đối ứng trong nước: Chính phủ Việt Nam và các đơn vị thực hiện Dự án huy động và bố trí một khoản vốn đối ứng trong nước phục vụ cho các hoạt động liên quan tới việc hỗ trợ của ADB và các hoạt động quản lý điều hành thực hiện Chương trình, cụ thể như sau:

- Vốn đối ứng để chi cho Ban quản lý tại Bộ Tài chính được bố trí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn hỗ trợ khác (nếu có) để duy trì hoạt động của Ban quản lý. Khoản vốn này dự kiến cho Giai đoạn 1 được thực hiện trong thời gian 3 năm là 1.529.400.000 đồng. Chi tiết vốn đối ứng tại Phụ lục đính kèm.

- Vốn đối ứng của các đơn vị thực hiện Dự án do các đơn vị tự bố trí từ nguồn vốn và hạch toán vào chi phí của đơn vị (bao gồm cả phần vốn để thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với các nội dung mua sắm trang thiết bị cho dự án thành phần). Cụ thể:

- Dự án thành phần tại TCT Sông Đà dự kiến: 1.160.000.000VNĐ/năm + 990.000 USD

- Dự án thành phần tại TCT Sowatco dự kiến: 1.980.000.000 VNĐ

- Dự án thành phần tại Công ty DATC dự kiến: 80.000 USD – 160.000 USD

(Chi tiết nguồn vốn đối ứng của các đơn vị thực hiện Dự án được trình bày tại các Văn kiện dự án thành phần của các đơn vị tại Phụ lục số 1,2,3 kèm theo đây.)

1.20. DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN VAY

1.21. Sử dụng vốn vay

Việc phân bổ nguồn lực sẽ được tính toán và xem xét thông qua đề xuất của các đơn vị tham gia Chương trình và được phê duyệt bởi ADB tại thời điểm Yêu cầu vay vốn định kỳ.

Khoản vay từ nguồn vốn thông thường được sử dụng để hỗ trợ tái cấu trúc tài chính và cấu trúc lại doanh nghiệp của các đơn vị thực hiện Dự án.

Khoản vay ưu đãi sẽ được sử dụng để phục vụ tái cơ cấu hoạt động cho các đơn vị thực hiện Dự án (bao gồm tái cấu trúc quy trình quản lý và nâng cao năng lực quản trị của các đơn vị tham gia, trong đó cả nội dung hoàn thiện thể chế cho một số tổ chức kinh tế quan trọng thúc đẩy tiến trình cải cách DNNN như DATC).

1.22. Phân bổ Khoản vay lần 1

Giá trị Khoản vay lần 1 là 130 triệu USD, trong đó:

- i) 120 triệu USD là từ nguồn vốn thông thường, được sử dụng để (i) cho TCT Sông Đà và TCT Sowatco vay lại nhằm tái cơ cấu nợ và tái cấu trúc doanh nghiệp như đã thỏa thuận với ADB; và
- ii) 10 triệu USD từ nguồn vốn ưu đãi ADF, được cho vay lại nhằm thực hiện hoạt động tái cơ cấu cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp và quản lý tại TCT Sông Đà và TCT Sowatco như đã thỏa thuận với ADB và nhằm triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của DATC như đã được cam kết.

Dự kiến phân bổ khoản vốn vay đầu tiên cho ba đơn vị như sau (Bảng 2):

Đơn vị tính (triệu USD)

Nguồn vốn	Sông Đà	Sowatco	DATC	Tổng
OCR	117,533	2,467		120
ADF	6,6	0,7	2,7	10

7.2.1. Nguồn vốn thông thường OCR

Đối với Khoản vay lần 1, **nguồn cho vay thông thường** sẽ có hiệu lực khi chấp thuận các điều kiện giải ngân đầu tiên bao gồm xây dựng kế hoạch tái cơ cấu hoạt động và tăng cường quản trị doanh nghiệp; và dựa trên kế hoạch cơ cấu nợ đã thỏa thuận trước giữa TCT Sông Đà, Sowatco và ADB. Cụ thể như sau:

(i) TCT Sông Đà sử dụng vốn vay thông thường để trả nợ các khoản vay ngắn hạn dùng vào đầu tư tài sản dài hạn (Toà nhà HH4 Sông Đà Mỹ Đình); khoản vay có lãi suất thị trường hoặc có thời hạn trả nợ ngắn hơn thời hạn thu hồi vốn để góp vốn vào các dự án (thành lập Công ty cổ phần Điện Việt Lào, Dự án Thủy điện Cần Đơn, Xi măng Hạ Long, Thủy điện Iagrai) và các hoạt động khác phục vụ mục đích tái cơ cấu (mức vốn cụ thể được thể hiện ở điểm 8.1 Phần III).

(ii) TCT Đường sông Miền nam vốn vay được dùng vào việc trả nợ các khoản vay để đầu tư xây dựng cảng Long Bình, đóng mới tàu lai 3900 CV, đóng mới 04 sà lan tự hành 124 TEU (mức vốn cụ thể được thể hiện ở điểm 8.1 Phần III).

7.2.2. Nguồn vốn ưu đãi ADF

Nguồn vốn vay ưu đãi được sử dụng để trả cho các chi phí tái cơ cấu quy trình quản lý doanh nghiệp, tăng cường quản trị và năng lực của các công ty và đơn vị tham gia. Các khoản chi phí này chủ yếu bao gồm các dịch vụ tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp và các trang thiết bị cần thiết cho hệ thống quản lý thông tin. Trong Giai đoạn 1, khoản vay từ ADF chỉ được sử dụng cho các chi phí sắp hoặc đã phát sinh trong phạm vi các điều khoản tài trợ đã có hiệu lực từ trước của ADB. Chi phí này liên quan đến quá trình tiến hành các phương pháp nhằm củng cố quy trình quản trị và tái cơ cấu doanh nghiệp đối với 3 đơn vị tham gia như TCT Sông Đà hay TCT Sowatco, và đảm bảo sự vận hành hiệu quả của Công ty DATC theo những thỏa thuận với ADB. Cụ thể vốn vay ưu đãi sẽ được các đơn vị thực hiện Dự án giai đoạn 1 sử dụng vào các hoạt động sau:

Tổng công ty Sông Đà

- (i) Xây dựng chiến lược kinh doanh cho các TCT con.
- (ii) Định giá tài sản của TCT để chuyển giao cho các công ty con.
- (iii) Hỗ trợ kỹ thuật cho việc hoán đổi cổ phiếu.

(iv) Các biện pháp tái cấu trúc quy trình quản lý, gồm: Hỗ trợ quá trình xây dựng chiến lược (phát triển kế hoạch chiến lược cho từng nhóm ngành, xây dựng ngân quỹ và dự báo, xây dựng hệ thống đánh giá chỉ tiêu); Hoàn thiện quy trình quản lý; Quản trị doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực; Hệ thống quản lý thông tin;

Thiết bị nâng cao năng lực quản lý của TCT; Thiết bị phục vụ quản lý Dự án. (Chi tiết tại Phụ lục 1: Văn kiện Dự án thành phần của TCT Sông Đà)

Tổng công ty Đường sông miền Nam

(i) Xây dựng kế hoạch chiến lược (bao gồm định hướng chiến lược, xác định lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, xác định khoản đầu tư không chiến lược để thoái vốn);

(ii) Hoàn thiện chiến lược của TCT, cân nhắc xây dựng chiến lược tái cơ cấu; Thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển, hoàn thiện quy trình quản lý,

(iii) Đổi mới quản trị doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống thông tin. (Chi tiết tại Phụ lục 2: Văn kiện Dự án thành phần của TCT Sovatco)

Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng tại của doanh nghiệp

(i) Nâng cao năng lực của DATC, gồm: Hoàn thiện công tác pháp chế và xây dựng chiến lược hoạt động của DATC; Xây dựng và hoàn chỉnh quy trình quản lý; Phát triển nguồn nhân lực.

(ii) Mua bán và thí điểm tái cấp vốn 2-3 doanh nghiệp tái cơ cấu. (Chi tiết tại Phụ lục 3: Văn kiện Dự án thành phần của DATC)

1.23. NGUỒN VÀ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VỐN VAY

Các đơn vị tham gia cam kết trả nợ theo đúng tiến độ và quy định tại Hợp đồng cho vay lại giữa Chính phủ Việt Nam và các đơn vị trên cơ sở các điều kiện cho vay của ADB.

1.24. Nguồn trả nợ vốn vay

Các đơn vị tham gia Dự án phải tự bố trí nguồn vốn trả nợ đúng thời hạn và mức vốn đã cam kết, trong đó:

Nguồn trả nợ vốn vay thông thường được lấy từ nguồn khấu hao, lợi nhuận của các Dự án đầu tư từ các khoản nợ được cơ cấu lại và các nguồn vốn khác. Nguồn trả nợ vốn vay ưu đãi được tính vào chi phí các khoản chi cho các hoạt động tái cấu trúc quy trình quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực hoạt động... Các khoản khấu hao, hoặc chi phí được bù đắp bằng doanh thu thuần từ các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Trong đó, các đơn vị tham gia Khoản vay lần 1 đã xác định nguồn vốn trả nợ tại Dự án vay vốn của đơn vị, trong đó nêu rõ nguồn trả nợ vốn vay như sau:

8.1.1. Tổng công ty Sông Đà

Vốn vay từ ADB sẽ được TCT Sông Đà sử dụng cho các mục đích và được trả từ các nguồn thu nhập sau:

a. *Vay nguồn OCR – 117,533 triệu USD:*

Loại hình hỗ trợ	Tên ngân hàng	Mục đích vay	Số tiền vay theo Hợp đồng (USD)³	Đề nghị ADB hỗ trợ (USD)	Nguồn trả nợ
Khoản vay ngắn hạn dùng để đầu tư dài hạn	Phát hành trái phiếu	Tòa nhà HH4 Sông Đà Mỹ Đình	15.775.742	15.000.000	Tiền thu từ việc cho thuê văn phòng hàng tháng
Khoản vay có lãi suất cao hơn thị trường hoặc có thời gian trả nợ ngắn hơn thời gian thu hồi vốn	Vay từ nhiều ngân hàng khác nhau	Góp vốn vào CTCP Điện Việt Lào	36.143.802	36.000.000	Tiền thu từ việc bán điện thành phẩm
		Dự án Thủy điện Cần Đơn	37.733.786	5.000.000	Tiền thu từ việc bán điện thành phẩm
		Dự án Xi măng Hạ Long	240.084.022	29.591.000	Tiền thu từ việc bán thành phẩm xi măng
Khoản vay có thời hạn trả nợ ngắn hơn thời gian thu hồi vốn	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, Chi nhánh Gia Lai	Dự án Thủy điện Iagrai	7.176.203	3.000.000	Tiền thu từ việc bán điện thành phẩm
Các hoạt động khác phục vụ mục đích tái cơ cấu DN	Không có	Phục vụ mục đích tái cơ cấu doanh nghiệp		21.000.000	Nguồn cổ tức từ các công ty con và các nguồn khác

³ Tỷ giá áp dụng là 16,481

Lãi vay dự kiến nhập gốc trong thời gian ân hạn				7.942.000	
Tổng				117.533.000	

b. Khoản vay từ nguồn ADF – 6,6 triệu USD

Chi phí đầu tư cho việc tái cấu trúc, tái cơ cấu các quy trình trên sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của TCT, được kết cấu vào giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ và được thu về từ doanh thu các công trình, dự án và dịch vụ. Kết quả của việc đầu tư trên sẽ mang lại lợi nhuận cho TCT, vì thế một phần trong số này cũng được huy động làm nguồn trả nợ. (Chi tiết các hoạt động nâng cao năng lực của TCT Sông Đà được đính kèm tại Phụ lục 1: Văn kiện Dự án thành phần của TCT Sông Đà).

8.1.2. Tổng công ty Đường sông miền Nam

Các công ty này có quy mô vốn vay ADB nhỏ hơn TCT Sông Đà và đều dự kiến dùng nguồn lợi nhuận tích lũy và nguồn vốn khấu hao để trả nợ vốn vay ADB.

Trong đó cụ thể với TCT Sovatco là:

Đề xuất hỗ trợ tài chính (USD)	Dự án đề nghị tái cấp vốn	Thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu
2.381.000	Đầu tư xây dựng cảng Long Bình	15 năm
86.000	Đóng mới 04 sà lan tự hành 124 TEU	14 năm
2.467.000	Tổng	

8.1.3. Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Sử dụng khoản vay nhằm thực hiện các biện pháp nhằm củng cố quy trình quản lý tại công ty và thí điểm việc mua bán nợ.

Các chi phí đầu tư (bao gồm chi phí lãi vay từ ADB) cho việc nâng cao năng lực sẽ được phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính theo thời hạn vay. Đối với việc thí điểm cấp vốn cho các doanh nghiệp tái cơ cấu, sẽ sử dụng số tiền thu về từ các doanh nghiệp này (bao gồm cả lãi cho vay) để trả nợ ADB vì kết quả của việc đầu tư này sẽ mang lại lợi nhuận cho DATC, vì thế một phần trong số này sẽ được huy động làm nguồn trả nợ. Cụ thể như sau:

Loại hình hỗ trợ	Đề nghị ADB hỗ trợ (USD)	Nguồn trả nợ
I. NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỐI VỚI DATC, TRONG ĐÓ:	1.000.000	
1. Hoàn thiện công tác pháp chế và xây dựng chiến lược hoạt động của DATC	250.000	Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính cho hoạt động của DATC
2. Xây dựng và hoàn chỉnh quy trình	100.000	Chi phí quản lý doanh nghiệp

quản lý		nghiệp, chi phí tài chính cho hoạt động của DATC
3. Phát triển nguồn nhân lực.	450.000	Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính cho hoạt động của DATC
4. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin	200.000	Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính cho hoạt động của DATC
II. MUA BÁN NỢ VÀ THÍ ĐIỂM CẤP VỐN CHO 2-3 DOANH NGHIỆP TÁI CƠ CẤU	1.700.000	Thu từ các doanh nghiệp tái cơ cấu
1. Công ty Cổ phần Nhôm Khánh Hòa	1.000.000 -1.200.000	Thu từ doanh nghiệp tái cơ cấu
2. Công ty TNHH Công nghiệp TS-ARI/Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang (Kiveco)	500.000 – 700.000	Thu từ doanh nghiệp tái cơ cấu
Tổng cộng	2.700.000	

Như vậy nguồn trả nợ của dự án này là hoàn toàn khả thi từ các nguồn thu của DATC. (Chi tiết các đề xuất này được trình bày tại Phụ lục 3: Văn kiện Dự án thành phần của DATC).

1.25. Đánh giá khả năng trả nợ

Các đơn vị tham gia Dự án phải đảm bảo khả năng trả nợ vốn vay như đã cam kết. Khả năng trả nợ vốn vay được tư vấn Dự án xem xét thông qua rà soát khả năng hoạt động cũng như tài chính. Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính (thuộc quy trình lựa chọn quy định tại điểm (v) 4.2 nêu trên), các đơn vị tham gia Dự án tự đánh giá khả năng trả nợ và nguồn trả nợ vốn vay. Việc đánh giá khả năng trả nợ được căn cứ vào mục tiêu chiến lược trung và dài hạn về hoạt động kinh doanh và khả năng tạo ra dòng tiền của đơn vị. Khả năng trả nợ phải được thể hiện trong đề xuất tham gia Dự án thành phần của các đơn vị. Trong đó, khả năng trả nợ của các TCT tham gia Khoản vay lần 1 đã được tư vấn của ADB đánh giá như sau:

8.2.1. Tổng công ty Sông Đà

Khả năng sinh lời trong 3 năm gần đây tăng do có nhiều dự án đã đi vào hoạt động. Kể từ năm 2005 đến năm 2007, lợi nhuận cận biên tăng từ 6,2% lên 9,8%, tương ứng với tổng lợi nhuận thuần tăng từ 418.418 triệu đồng lên 808.965 triệu đồng.

Trong một vài năm gần đây, lãnh đạo TCT tỏ ra khá thận trọng trong việc quản lý hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu, tuy nhiên do hệ thống ngân hàng trong nước ít có những khoản vay dài hạn, luôn có sự chênh lệch giữa thời gian trả nợ và thời gian thu

hồi vốn từ các dự án, Từ năm 2005 đến năm 2007, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đã cải thiện đáng kể, giảm từ 3,87 xuống còn 2,59.

Ngoài ra, do khoản vay thông thường của ADB được thiết kế để hỗ trợ các TCT tiến hành tái cơ cấu các khoản vay hiện tại, qua đó kéo dài thời hạn trả nợ cho phù hợp với thời gian tạo ra dòng tiền của các dự án mà các khoản vay hiện tại cấp vốn. Theo báo cáo nghiên cứu khả thi, thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu của các Dự án đều ngắn hơn thời hạn trả nợ khoản vay từ nguồn vay thông thường OCR, mức chiết khấu thấp hơn lãi suất của khoản vay từ nguồn vay thông thường. Cụ thể:

TT	Đề xuất hỗ trợ tài chính (triệu USD)	Dự án cần tái cấp vốn	NPV (triệu USD)	IRR (%)	Thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu (năm)
1	15	Trung tâm thương mại – Dịch vụ HH4 Sông Đà	18.956	15,36	13,83
2	5	Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn	478.344.000	13,49	9
3	29,591	Công ty cổ phần xi măng Hạ Long	1.099.484	10,88	11,66
4	3	Nhà máy sản xuất điện Iagrai	3.798	11,00	11,33
Cộng	52,591				

Ngoài các Dự án nêu trên, TCT Sông Đà cũng đề xuất ADB hỗ trợ tái cấp vốn cho các khoản vay đã vay trước đây trị giá 36.000.000 USD vay để góp vốn vào CTCP Điện Việt Lào. CTCP Điện Việt Lào được thành lập vào ngày 03/01/2008 với vốn tổng vốn điều lệ là 5.300 tỷ đồng, TCT Sông Đà là cổ đông đa số với 51,5% sở hữu, tương đương 2.729.5 tỷ đồng. Công ty này đang thực hiện các Dự án như Xekaman 3 và Xekaman 1. Tất cả các Dự án này đều có hiệu quả kinh tế cao và có thời gian thu hồi vốn ngắn hơn thời hạn trả nợ khoản vay từ nguồn vay thông thường. Cụ thể:

Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	NPV (triệu USD)	IRR (%)	Thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu (năm)
Xekaman 3	311	31,225	13,99	8,1
Xekaman 4	441	424,4	11,10	11

Cuối cùng, TCT Sông Đà cũng đề xuất ADB hỗ trợ 21.000.000 USD để hỗ trợ công tác tái cơ cấu, cụ thể, TCT sẽ dùng khoản vay trên để thanh toán phí tư vấn, định

giá cổ phiếu phục vụ công tác hoán đổi và mua lại cổ phiếu, etc. Nguồn để chi trả khoản vay này là cổ tức thu về và khấu hao từ các Dự án.

Năng lực tài chính của TCT Sông Đà trong giai đoạn 2009 – 2018 đối với các trường hợp trước và sau khi nhận các khoản vay từ ADB và áp dụng các phương pháp tái cơ cấu được thể hiện ở Phụ lục số 1.1 và 1.2 kèm theo. Dự báo trên cho thấy sự cải thiện trong tình hình tài chính của TCT Sông Đà sau khi nhận được khoản vay của ADB cũng như chứng minh năng lực tài chính của TCT Sông Đà đủ khả năng để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

8.2.2. Tổng công ty Đường sông miền Nam

Khác với TCT Sông Đà, lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh giảm từ 6,59% trong năm 2006 xuống còn 4,67% trong năm 2007. Lợi nhuận cao trong năm 2007 do TCT thay đổi phương pháp hợp nhất đối với công ty liên doanh – 47 tỷ đồng và phát sinh từ việc bán tài sản cố định – 11,5 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp ở mức 0-2%.

Tuy nhiên, với tất cả các dự án yêu cầu tái cấp vốn, theo báo cáo nghiên cứu khả thi, thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu ngắn hơn nhiều thời hạn trả nợ khoản vay OCR cũng như tỷ lệ chiết khấu thấp hơn lãi suất khoản vay OCR. Cụ thể:

Đề xuất hỗ trợ tài chính (USD)	Dự án đề nghị tái cấp vốn	Thời gian thu hồi vốn có tính chiết khấu
2.381.000	Đầu tư xây dựng cảng Long Bình	15 năm
86.000	Đóng mới 04 sà lan tự hành 124 TEU	14 năm
2.467.000	Tổng	

Hệ số thanh toán hiện hành tăng nhẹ từ 1,09 trong năm 2006 lên 1,12 trong năm 2007. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu thấp ở mức 0,41 vào cuối năm 2006 và 0,39 ở cuối năm 2007, điều này cho thấy TCT Sowatco có thể đáp ứng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn và TCT vẫn còn có khả năng ký tiếp các hợp đồng vay.

Theo dự kiến, cảng Long Bình sẽ đi vào hoạt động năm 2010, doanh thu từ các hoạt động chính của Nhóm bốc vác và vận chuyển dự kiến sẽ tăng đáng kể. Vì vậy, từ năm 2010, dòng tiền của TCT cũng sẽ được gia tăng.

Năng lực tài chính của TCT Sowatco trong giai đoạn 2009 – 2018 đối với các trường hợp trước và sau khi nhận các khoản vay từ ADB và áp dụng các phương pháp tái cơ cấu được đề xuất, cho thấy sự cải thiện trong tình hình tài chính của TCT Sowatco sau khi nhận được khoản vay của ADB cũng như chứng minh năng lực tài chính của TCT Sowatco đủ khả năng để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

8.2.3. Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Mặc dù các hoạt động kinh doanh của DATC có tính đặc thù là luôn gắn liền với các nhiệm vụ chính trị, xã hội, nhưng DATC luôn phấn đấu đảm bảo hiệu quả kinh tế, bảo toàn và phát triển vốn, đóng góp cho NSNN, cụ thể:

- **Doanh thu, lợi nhuận và thu nộp NSNN:** từ khi hoạt động đến nay, các chỉ tiêu tài chính của DATC liên tục tăng trưởng tốt, lãi thu được năm sau cao hơn năm trước, số tiền đóng góp cho NSNN cũng ngày càng tăng. Cụ thể như sau:

ĐV tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Doanh thu	20.314	66.165	410.592	604.252	554.000
Lợi nhuận	15.860	35.306	144.787	152.509	160.000
Dự phòng tài chính	-	10.000	76.000	147.000	197.000
Nộp NSNN	23.728	35.604	103.888	134.684	120.000

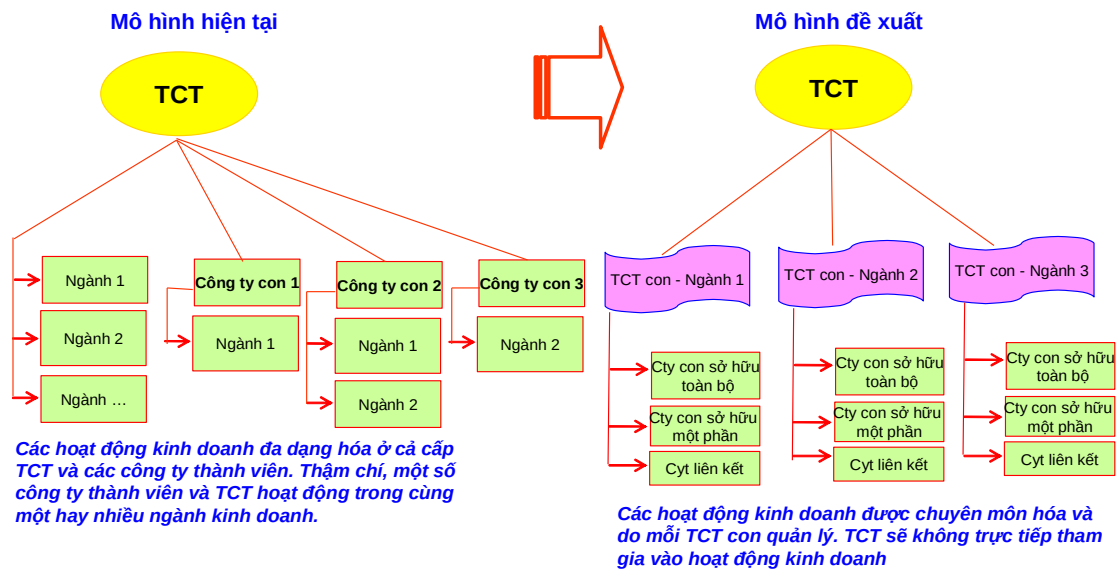
- **Bảo toàn, phát triển vốn:** Tổng số vốn nhà nước tại DATC đến nay đạt 2.237 tỷ đồng. Như vậy, ngoài số vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng được NSNN cấp, vốn nhà nước của DATC đã được phát triển, bổ sung thêm 237 tỷ đồng từ lợi nhuận để lại. Bên cạnh đó, đến cuối năm 2008, DATC đã trích được 197 tỷ đồng lập dự phòng.

Theo dự báo trên, năng lực tài chính của DATC hoàn toàn có khả năng trả nợ sau khi nhận khoản vay của ADB.

1.26. SẢN PHẨM CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1.27. Sản phẩm của Chương trình

- Chương trình nhằm nâng cao hiệu quả đổi mới DNNN và cải thiện khả năng sinh lợi, tính minh bạch ở những doanh nghiệp được tái cấu trúc và cổ phần hóa, bao gồm các TCT lớn và các công ty con. Đề xuất tái cơ cấu cấu trúc và sở hữu của của các TCT sẽ dẫn đến một TCT mới được tổ chức chuyên môn hóa và có trật tự hơn. Sơ đồ sau thể hiện rõ sự khác biệt này:



Sơ đồ 1: Sự thay đổi mô hình công ty

Thông qua tái cơ cấu nợ các doanh nghiệp sẽ có một báo cáo tài chính mạnh hơn, các khoản nợ ngắn hạn sẽ được thay thế bằng các khoản nợ dài hạn.

Số lượng các công ty do công ty mẹ của Tập đoàn, TCT nắm giữ quyền kiểm soát sẽ giảm. Theo đó, hình thành các TCT con (ít nhất là 5 TCT con) hoạt động chuyên ngành để nắm giữ quyền kiểm soát ở các công ty, thay vì trước đây các công ty này do mẹ của Tập đoàn, TCT nắm giữ quyền kiểm soát.

Xác định và cơ cấu lại ngành nghề hoạt động chủ chốt của các đơn vị (ít nhất là 5 TCT con). Theo đó, các khoản đầu tư không chủ chốt sẽ được xem xét thoái vốn.

Lợi ích đem lại cho công tác quản lý tình hình hoạt động và tài chính tại các TCT và các DNNN: Các DNNN nằm dưới mỗi Bộ chủ quản sẽ hoạt động theo cùng một định hướng chiến lược. Bằng việc tạo ra các TCT con và sắp xếp lại các công ty theo các lĩnh vực kinh doanh đó, việc quản lý các DNNN và các doanh nghiệp có thể tăng cường tính hiệu quả, minh bạch, trách nhiệm giải trình và tính sinh lời của các doanh nghiệp này. Các TCT con sẽ trở thành các công ty điển hình, đảm bảo sự phát triển của thị trường vốn của đất nước một cách hiệu quả hơn. Thông qua khả năng huy động vốn trong và ngoài nước, các công ty điển hình sẽ giúp chuyển rủi ro tín dụng từ Nhà nước và hệ thống ngân hàng trong nước ra ngoài thị trường, điều này có thể coi là định hướng chiến lược cần hướng tới.

Việc cải thiện khả năng sinh lợi của những doanh nghiệp này sẽ giúp Nhà nước có thêm nguồn vốn để hỗ trợ và phát triển nền kinh tế định hướng thị trường. Kết quả được chờ đợi là việc chuyển đổi nhiều TCT và các công ty con sang những ngành hiệu quả với tình hình tài chính và quản trị doanh nghiệp được cải thiện. Bằng việc xây dựng mô hình bền vững và thành công cho việc chuyển đổi DNNN, Chương trình sẽ đưa ra định hướng và trọng tâm mới cho tiến trình đổi mới doanh nghiệp trong tương lai.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động, khả năng điều hành và quản trị doanh nghiệp tại các Tập đoàn, TCT và doanh nghiệp khác. Theo đó, quy trình quản lý và quy

Hà Nội, 10/2009

trình kinh doanh được hợp lý hoá tại các Tập đoàn, TCT (ít nhất là 5 các Tập đoàn, TCT); quản lý ngân sách và quy trình lập kế hoạch được tăng cường; giám đốc và nhân viên phải tuân thủ các quy định trong hoạt động tác nghiệp.

- Doanh nghiệp hỗ trợ quá trình tái cơ cấu được tăng cường quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp áp dụng giải pháp xử lý nợ.

1.28. Sản phẩm của Khoản vay lần 1

9.2.1. Đối với TCT Sông Đà:

(i) Các khoản nợ ngắn hạn dùng vào đầu tư tài sản dài hạn hoặc các khoản nợ có thời hạn trả nợ ngắn hơn thời hạn thu hồi vốn sẽ được thay thế bằng các khoản nợ dài hạn, giúp cho các đơn vị giảm áp lực về trả nợ vay trong thời gian ngắn hạn.

(ii) Hình thành một số Tổng công ty con, tập trung vào các chuyên ngành có tính cạnh tranh, theo đó, những doanh nghiệp kinh doanh trong ngành không mang tính chiến lược sẽ được thoái vốn. Cụ thể sẽ hình thành một số TCT, công ty như sau:

- Công ty mẹ của TCT;
- TCT cổ phần xây dựng thuỷ điện Sông Đà;
- TCT cổ phần điện lực Sông Đà;
- TCT cổ phần sản xuất công nghiệp gang thép Sông Đà;
- TCT cổ phần đô thị và khu công nghiệp Sông Đà;
- TCT cổ phần xi măng Sông Đà;
- Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Sông Đà;
- Công ty cổ phần thi công cơ giới và công trình ngầm Sông Đà;
- Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà;
- Công ty cổ phần thương mại Sông Đà;
- Công ty tài chính cổ phần Sông Đà.

Tăng cường sự chuyển đổi công nghệ điều hành thích hợp chuyên trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và quản lý công ty con và công ty thành viên.

9.2.2. Đối với TCT Sovatco

Thông qua tái cơ cấu nợ các doanh nghiệp sẽ có một báo cáo tài chính mạnh hơn, các khoản nợ ngắn hạn sẽ được thay thế bằng các khoản nợ dài hạn.

Xác định lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, xác định khoản đầu tư không chiến lược để thoái vốn, hoàn thiện chiến lược của TCT, hoàn thiện quy trình quản lý, đổi mới quản trị doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống thông tin.

9.2.3. Đối với Công ty DATC

Tăng cường quản trị doanh nghiệp, theo đó, Hệ thống quản lý của DATC được tăng cường, cải thiện hệ thống kiểm toán nội bộ; tăng cường quản lý nhân sự và cải thiện thông tin quản lý.

Xây dựng và hoàn thiện mô hình bền vững và thành công cho hoạt động của DATC và các doanh nghiệp tái cơ cấu; hoàn thiện quy trình đối với hoạt động mua bán nợ; Tiến tới hoàn thiện các quy định mang tính pháp lý tạo điều kiện cho DATC hoạt động thuận lợi hơn.

Sản phẩm trực tiếp:

- Làm cơ sở để Bộ Tài chính và ADB đề xuất, kiến nghị để Chính phủ hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động mua bán, xử lý nợ gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp của DATC.

- Quy trình quản lý của DATC được cập nhật, hoàn thiện và ban hành mới nhằm tăng cường công tác quản trị nội bộ của DATC.

- Chất lượng cán bộ được nâng cao

- 2-3 doanh nghiệp được tài trợ vốn để có điều kiện tái cơ cấu, phục hồi và phát triển để niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

- Hình thành mô hình và phương thức quản lý các doanh nghiệp sau tái cơ cấu.

Sản phẩm gián tiếp:

- Tạo lập môi trường hoạt động trong lĩnh vực xử lý nợ gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Sắp xếp, cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo tiến độ chương trình của Chính phủ.

1.29. TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1.30. Tác động của Chương trình

Chương trình có tính khả thi. Phù hợp với chủ trương cải cách đổi mới hoạt động của DNNN. Cải cách toàn diện doanh nghiệp có vốn Nhà nước là bước tiếp theo của cổ phần hoá; tăng cường khả năng sinh lời và sự rõ ràng minh bạch của các doanh nghiệp sau cổ phần hoá và tái cấu trúc.

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tái cơ cấu sẽ bền vững và ổn định. Hệ thống thể chế và quy trình quản lý được tăng cường.

Chương trình sẽ góp phần tăng cường khả năng sinh lời và sự rõ ràng, minh bạch của doanh nghiệp cổ phần hoá và tái cơ cấu. Theo đó, số lượng các tập đoàn, TCT tiến hành tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và tài chính sẽ tăng ít nhất 50% trong giai đoạn 2009-2014 so với 4 năm trước; lợi nhuận các công ty tái cơ cấu sẽ tăng trung bình 15% so với mức trung bình của 4 năm trước đó.

Chương trình góp phần ổn định về kinh tế vĩ mô. Hình thành các công ty lớn điển hình hoạt động trong các chuyên ngành của TCT, sẽ tận dụng được lợi thế hoạt động về quy mô; kế hoạch và chiến lược kinh doanh được thiết lập theo chiến lược chung và chi phối các công ty con của TCT cùng lĩnh vực hoạt động theo chiến lược chung đó. Quyền chi phối này phù hợp với các quy định của văn bản pháp luật về doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin trong nội bộ doanh nghiệp, TCT được hoàn thiện, là điều kiện để tăng cường công tác giám sát của chủ sở hữu, chủ nợ, khách hàng và người lao động.

Năng lực cán bộ quản lý điều hành được nâng cao, quy trình quản lý và quản trị doanh nghiệp rõ ràng, minh bạch là một trong những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thể chế được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung là điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động minh bạch và phát triển bền vững.

1.31. Hiệu quả của Chương trình

Chương trình giúp các đơn vị thụ hưởng lợi từ Chương trình tăng thêm tiềm lực tài chính để tái cấu trúc doanh nghiệp, cơ cấu lại nợ, hoàn thiện quy trình hoạt động hoặc quy trình quản lý doanh nghiệp; góp phần gia tăng giá trị tài sản Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Tính cạnh tranh của doanh nghiệp được nâng cao, giảm thiểu cạnh tranh trong nội bộ các doanh nghiệp cũng có vốn góp của TCT, tiết kiệm nguồn lực, gia tăng hiệu quả hoạt động và đảm bảo phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Hình thành phương thức quản trị doanh nghiệp mới trong nội bộ TCT, xác định rõ hơn vai trò của chủ sở hữu cũng như các doanh nghiệp nhận vốn góp của TCT.

Năng lực cán bộ được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Kết quả cuối cùng của việc các tổng công ty tham gia Khung tín dụng này là mở ra các giá trị tiềm năng cho các tài sản của doanh nghiệp thông qua chuyển đổi sang một hình thức doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có khả năng sinh lời và có năng lực cạnh tranh toàn cầu với mô hình quản trị doanh nghiệp tốt; điều này cũng tối đa lợi ích hoàn lại cho Chính phủ khi doanh nghiệp được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán

1.32. TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN

Kết quả của Dự án được đánh giá là bền vững trên những khía cạnh sau:

Bền vững về mặt thể chế: Sản phẩm của dự án phù hợp với chính sách đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam. Vì vậy, môi trường thể chế sẽ giúp duy trì và phát huy kết quả của dự án trong tương lai.

Bền vững về mặt tài chính: Một trong những mục tiêu của dự án là nhằm lành mạnh hoá tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy xét về phương diện tài chính, kết quả của dự án có tính bền vững cao.

Bền vững về mặt con người: Mục tiêu quan trọng của dự án là tăng cường năng lực quản trị công ty, bao gồm năng lực của đội ngũ cán bộ cũng như hệ thống công cụ quản lý. Vì vậy có thể đánh giá các kết quả của dự án sẽ bền vững xét từ khía cạnh nguồn nhân lực để duy trì những kết quả này sau khi dự án kết thúc.

1.33. CÁC ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÍA NHÀ TÀI TRỢ

Ngoài những ràng buộc pháp lý về nghĩa vụ đối với khoản vay theo khung Chương trình, ADB yêu cầu những cam kết sau từ phía Chính phủ Việt nam và từ các đơn vị thực hiện Dự án, trong đó có các đơn vị thực hiện Dự án trong khoản vay đầu tiên. Cụ thể như sau:

1.34. Từ phía Chính phủ Việt nam

Chính phủ sẽ cam kết thực hiện các nội dung sau đối với Chương trình SRCGFP:

- đảm bảo rằng ADB được thông báo về các chính sách và chương trình liên quan đến khu vực doanh nghiệp nhà nước và quá trình tái cơ cấu các Tổng công ty cũng như các chính sách và chương trình sẽ tác động lớn đến năng lực tài chính của các tiểu dự án thuộc Chương trình;
- đảm bảo rằng tất cả các tiểu dự án được lựa chọn theo tiêu chí thống nhất tại Phụ lục 4 của Hiệp định tài trợ khung và các yêu cầu và hướng dẫn khác cho việc thực hiện các tiểu dự án và cùng với ADB giám sát việc thực hiện các tiểu dự án cho đến khi hoàn thành từng tiểu dự án;
- giám sát tác động của tiểu dự án đến phụ nữ trong suốt quá trình thực hiện, và đảm bảo việc đào tạo hợp lý và bố trí lại việc làm cho các nhân viên chịu ảnh hưởng của quá trình tái cơ cấu thể hiện sự bình đẳng giới và không gây ra tác động tiêu cực về giới. Việc này cũng bao gồm các khóa đào tạo cho phụ nữ các kỹ năng “phi truyền thống” để xử lý với sự bất bình đẳng giới có thể do sự phân công lao động theo giới tính;
- trước khi hoàn thành việc thực hiện Dự án 1, thực hiện soát xét toàn diện Kế hoạch tổng thể hiện tại về cải cách doanh nghiệp nhà nước và xây dựng một kế hoạch mới kết hợp kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thực hiện. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể mới, Chính phủ sẽ soát xét và kết hợp các phát hiện có liên quan từ việc thực hiện dự án thí điểm đầu tiên của Khung tài trợ;

- trước khi hoàn thành việc thực hiện Dự án 1, đánh giá các phương án nhằm xây dựng khung pháp lý cao hơn nhằm cải thiện hoạt động quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước. Kinh nghiệm về quản lý vốn nhà nước sẽ được soát xét, bao gồm cả hạn chế về luật pháp và qui định để thực hiện có hiệu quả, và các giải pháp;
- trước khi hoàn thành việc thực hiện Dự án 1 (hoặc trong vòng 18 tháng kể từ ngày khoản vay có hiệu lực), thông qua khung pháp lý, phù hợp với ADB, nhằm (i) thực hiện có hiệu quả việc xử lý nợ thông qua DATC, và (ii) nâng cao hiệu quả hoạt động của DATC
- đảm bảo rằng khoản vay từ Khung tài trợ sẽ được sử dụng chỉ để cho vay lại các Tổng công ty tham gia theo một cơ chế cho vay lại phù hợp; và đảm bảo rằng các Tổng công ty sẽ sử dụng khoản vay đúng mục đích như đã thống nhất với ADB;
- đảm bảo rằng các TCT sẽ duy trì hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu tối đa, hệ số năng lực trả nợ tối thiểu (DSCR), hệ số tự tài trợ tối thiểu (SFR), và các hệ số tài chính khác phù hợp với ADB;
- tuân thủ Chính sách Chống tham nhũng và các quy tắc, thủ tục của ADB về mua sắm hàng hóa dịch vụ, được sửa đổi thường xuyên.
- đảm bảo các Tổng công ty tham gia chấp nhận các biện pháp tái cơ cấu quản lý và tái cơ cấu công ty đã thỏa thuận với những nội dung sau:
 - Tổng công ty cần chuyển giao tất cả các hoạt động kinh doanh cho các công ty con hoạt động trong cùng lĩnh vực hoặc các công ty con mới;
 - Các công ty con hoạt động trong cùng lĩnh vực cần được nhóm lại thành một TCT con phù nếu có nhiều lĩnh vực;
 - Ưu tiên TCT con được lựa chọn là công ty niêm yết;
 - Các ngành kinh doanh ngoài ngành kinh doanh chính sẽ bị loại bỏ tại một thời điểm phù hợp;
 - Những vị trí quản lý chủ chốt của tập đoàn cần được tập trung ở cấp TCT con; và
 - Những cải tiến được đề xuất đối với hoạt động quản lý và báo cáo.

1.35. Từ phía các đơn vị thực hiện Dự án

Các đơn vị tham gia vay vốn sẽ phải cam kết thực hiện các điều kiện khoản vay do phía nhà tài trợ yêu cầu. Những cam kết phù hợp với các biện pháp đã được các đơn vị này xây dựng nhằm khai thác, gia tăng giá trị tài sản của nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này như các đơn vị phải cam kết thực hiện tái cấu trúc tài chính thông qua tái cơ cấu nợ, tái cấu trúc doanh nghiệp và tái cấu trúc quy trình quản lý, nâng cao năng lực quản trị.

Cam kết của các doanh nghiệp thực hiện Dự án sẽ được phản ánh trong các văn kiện Dự án thành phần, được Chính phủ thống nhất với ADB về những yêu cầu, biện pháp cải cách phù hợp, tùy điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.36. Cam kết của các đơn vị tham gia Khoản vay lần 1

Các đơn thực hiện Dự án trong khuôn khổ Khoản vay lần 1 cam kết thực hiện các hoạt động dưới đây:

Sự tham gia của các Đơn vị vào các hợp phần

Hợp phần	TCT Sông Đà	TCT Sovatco	DATC
Tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc DN	X	X	
Tái cấu trúc quy trình quản lý và nâng cao năng lực quản trị	X	X	X

- TCT Sông Đà cam kết thực hiện các biện pháp tái cơ cấu doanh nghiệp như đã đề xuất, nâng cao năng lực quản lý và tái cơ cấu tài chính bao gồm cả biện pháp hoán đổi cổ phiếu (khi cần thiết) và các biện pháp tái cơ cấu tài chính khác. TCT Sông Đà cũng cam kết sẽ dùng khoản vay ưu đãi từ phía ADB để thực hiện các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để hoàn thiện quy trình quản trị doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động;
- TCT Sovatco cam kết thực hiện các biện pháp tái cơ cấu DN như đã đề xuất, nâng cao năng lực hệ thống thông tin và tái cơ cấu tài chính. TCT Sovatco cũng cam kết sẽ dùng khoản vay ưu đãi từ phía ADB để thực hiện hỗ trợ công nghệ thông tin qua đó hoàn thiện quy trình quản trị doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động;
- DATC cam kết sẽ dùng khoản vay ưu đãi để (i) hoàn thiện thể chế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; (ii) triển khai thí điểm tái cơ cấu lại nợ tại một số doanh nghiệp theo danh mục xác định để xây dựng quy trình và hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động của DATC; (iii) phát triển chương trình đào tạo cho cán bộ của công ty và các đơn vị dưới quyền, tổ chức đào tạo về giải quyết nợ và tái cơ cấu doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, phân tích đầu tư và quản lý đầu tư; phát triển một cơ cấu tổ chức hợp lý có miêu tả công việc cho từng vị trí quản lý cụ thể, thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp các văn bản hướng dẫn thực hiện; và phát triển và thực hiện các quy trình quản lý rủi ro doanh nghiệp.

Chi tiết cam kết của từng TCT được trình bày trong **Phụ lục Văn kiện Dự án thành phần của các đơn vị tham gia Khoản vay lần 1** kèm theo.

IV. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

1. PHƯƠNG THỨC CHO VAY

1.1. Phương thức cho vay của ADB

Chương trình nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi của các DNNN lớn thông qua gói hỗ trợ cho việc tái cơ cấu DN, nâng cao năng lực quản lý và cải thiện tình hình tài chính dưới hình thức cho vay để tái cơ cấu tài chính, cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị DN. Do đặc thù của Chương trình, Bộ Tài chính sẽ trình Thủ tướng Chính phủ để ban hành cơ chế tài chính riêng cho Chương trình đảm bảo phù hợp với đặc thù của Chương trình. Cụ thể:

Chương trình được thiết kế như một Khung tín dụng đa Dự án (MFF). Khung tín dụng này không có ràng buộc ADB về mặt pháp lý đối với bất kỳ một khoản tín dụng nào. ADB có quyền tiến hành một cách hợp lý và đơn phương từ chối bất kỳ một đề xuất tín dụng nào từ phía Việt Nam hoặc hủy bỏ một phần đã cam kết trong khung tín dụng và hủy bỏ quyền của Việt Nam trong việc đề xuất tài trợ cho một Dự án theo khung tín dụng này.

ADB sẽ cung cấp tín dụng cho các Dự án nếu các điều kiện vẫn được duy trì theo hiểu biết chung và các kỳ vọng mà Khung tín dụng đã đề ra trên cơ sở của Hiệp định tín dụng khung này.

Tương tự, Hiệp định tín dụng khung này không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý đối với Việt Nam trong việc đề xuất bất kỳ khoản tín dụng nào. Phía Việt Nam có quyền không đưa ra bất kỳ đề xuất tín dụng nào theo khung tín dụng. Phía Việt Nam có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào, hủy bỏ bất kỳ phần nào không có trong thỏa thuận của khung tín dụng.

Việt Nam và ADB có thể thực hiện quyền của riêng mình trong việc hủy bỏ khung tín dụng hay bất kỳ phần nào không có trong Hiệp định, và ADB có thể từ chối yêu cầu tài trợ bằng cách thông báo bằng văn bản cho phía Việt Nam. Thông báo bằng văn bản này sẽ giải thích về việc hủy bỏ hoặc từ chối và trong trường hợp hủy bỏ, sẽ nêu rõ ngày mà việc hủy bỏ đó có hiệu lực.

Đối với mỗi khoản vay theo khung tín dụng, ngoại trừ các trường hợp được ADB chấp thuận, chi phí phát sinh trực tiếp cho mục đích tái cơ cấu doanh nghiệp và hoạt động sẽ được phép hồi tố tối đa là 20% của số tiền vay đề xuất theo Khung tín dụng, đối với các chi phí hợp lý phát sinh trước khi các khoản vay có hiệu lực nhưng không sớm hơn 12 tháng trước ngày ký thỏa thuận. Việt Nam ý thức được rằng bất kỳ sự phê duyệt hồi tố chi phí nào sẽ không cấu thành một cam kết của ADB trong việc tài trợ chi phí cho các dự án có liên quan.

Lãi suất và điều kiện cho vay của ADB

Điều kiện cho vay	Nguồn vốn OCR	Nguồn vốn ADF
Lãi suất	Dựa trên LIBOR	1% trong thời gian ân hạn và 1,5% trong thời gian sau đó
Thời hạn cho vay	25 năm	32 năm
Thời gian ân hạn	5 năm	8 năm
Phí cam kết	0,15%/năm	-
Các điều khoản khác	Theo Hiệp định khung và bổ sung cho từng Hợp đồng vay	Theo Hiệp định khung và bổ sung cho từng Hợp đồng vay

1.2. Phương thức Chính phủ cho các đơn vị vay lại

Chính phủ Việt Nam (thông qua Bộ Tài chính) sẽ cho các doanh nghiệp vay lại toàn bộ nguồn vốn vay thông thường từ ADB. Thời gian đáo hạn của khoản vay giữa ADB và Chính phủ (khoản vay gốc) sẽ tương đồng với các khoản cho vay lại giữa Chính phủ và các doanh nghiệp.

Chính phủ cũng sẽ cho các đơn vị thực hiện Dự án vay lại toàn bộ khoản vay ưu đãi ADF bằng loại tiền tệ đi vay. Thời gian đáo hạn của khoản vay giữa ADB và Chính phủ (khoản vay gốc) sẽ tương đồng với các khoản cho vay lại giữa Chính phủ và các doanh nghiệp.

1.2.1. Đối với nguồn OCR: Dùng để tái cơ cấu một phần các khoản nợ của Tổng công ty Sông Đà và Sowatco bằng các khoản vay của ADB chi phí thấp hơn và/dài hạn hơn và tái cấu trúc doanh nghiệp. Điều kiện cho vay lại đề nghị áp dụng bằng điều kiện Chính phủ vay ADB cộng phí cho vay lại trong nước, cụ thể như sau:

- Đồng tiền cho vay lại: Đô la Mỹ (USD);
- Lãi suất cho vay lại: LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (hiện đang là 0,2%/năm);
- Phí cam kết: 0,15 %/năm;
- Các loại phí khác do ADB thu (nếu có): theo thông báo của ADB;

- Lãi, phí cam kết và các loại phí khác (nếu có) theo quy định của ADB được gốc hóa trong thời kỳ ân hạn;
- Phí cho vay lại trả cho Bộ Tài chính: 0,25%/năm trên số dư nợ gốc của Khoản vay OCR;
- Thời gian vay lại: 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn;
- Ngày đóng sổ rút vốn là ngày 30/6/2013;
- Lãi phạt: bằng 150% lãi suất cho vay lại nêu trên;
- Trả nợ gốc và lãi: Các doanh nghiệp sẽ tiến hành trả nợ gốc và nợ lãi (sau khi kết thúc thời gian ân hạn) cho Bộ Tài chính (thông qua cơ quan cho vay lại là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) vào các ngày 15/5 và 15/11 hàng năm cho Bộ Tài chính theo thông báo đòi nợ của ADB. Lịch trả nợ gốc của của Khoản vay OCR bắt đầu từ 15/5/2015 đến 15/11/2034.

1.2.2. Đối với nguồn vốn ADF: Dùng để tái cơ cấu và tăng cường hoạt động của Tổng công ty Sông Đà, Sowatco và DATC thông qua tăng cường quy trình quản lý doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị công ty. Điều kiện cho vay lại đề nghị áp dụng bằng điều kiện Chính phủ vay ADB cộng phí dịch vụ cho vay lại trong nước, cụ thể như sau:

- Đồng tiền cho vay lại: là Đô la Mỹ (USD);
- Lãi suất cho vay lại: + 1%/năm trong thời gian ân hạn;
+ 1,5%/năm trong thời gian trả nợ gốc.
- Các loại phí khác do ADB thu (nếu có): theo thông báo của ADB;
- Lãi và phí của ADB (nếu có) được gốc hóa trong thời gian ân hạn;
- Phí dịch vụ cho vay lại: 1,5% trên số thu hồi nợ thực tế (bao gồm cả gốc, lãi và lãi phạt nếu có);
- Thời gian cho vay lại: 32 năm bao gồm 8 năm ân hạn;
- Ngày đóng sổ rút vốn là ngày 30/6/2013;
- Lãi phạt: bằng 150% lãi suất cho vay lại nêu trên;
- Trả nợ gốc và lãi: Các doanh nghiệp sẽ tiến hành trả nợ gốc và nợ lãi (sau khi kết thúc thời gian ân hạn) cho Bộ Tài chính (thông qua cơ quan cho vay lại là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) vào các ngày 15/5 và 15/11 hàng năm cho Bộ Tài chính theo thông báo đòi nợ của ADB. Lịch trả nợ gốc của của Khoản vay ADF bắt đầu từ 15/5/2018 đến 15/11/2041.

1.2.3. Nguồn vốn đối ứng trong nước:

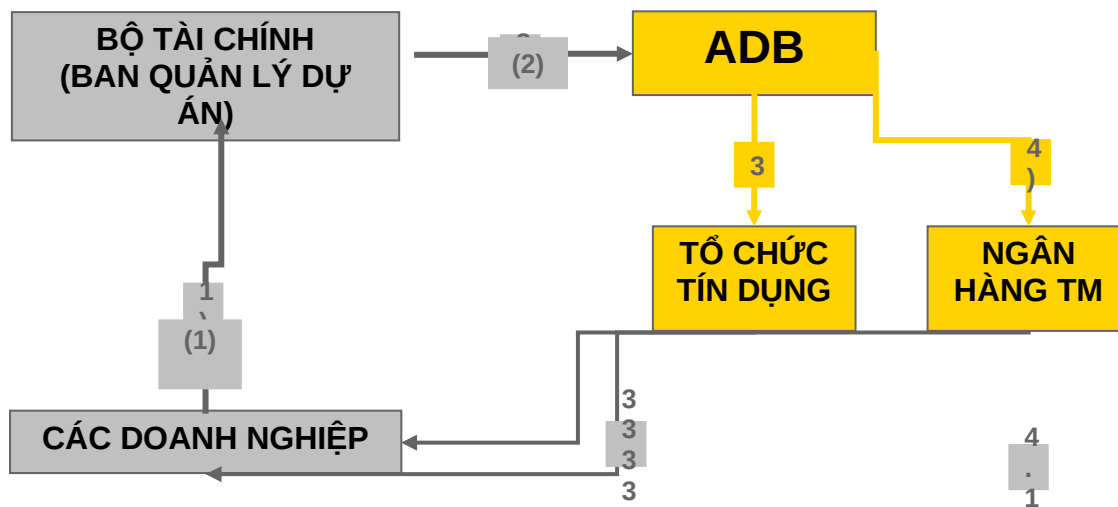
- Ngân sách nhà nước cấp phát cho Dự án 1 được thực hiện trong 3 năm từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2012 là 1.529.400.000 VNĐ.

- Ngân sách nhà nước cấp phát cho hoạt động của Ban chỉ đạo chương trình và Ban quản lý chương trình cho cả chương trình đến năm 2015, số tiền cụ thể các năm 2013-2015 sẽ do Bộ Tài chính xét duyệt cấp phát.

- Vốn đối ứng của các chủ dự án thành phần (là các tổng công ty, công ty tham gia dự án) do các chủ dự án thành phần tự bố trí cân đối như đã nêu trên.

Phương án trả nợ sẽ được thực hiện theo các Hợp đồng cho vay lại sẽ được ký giữa Chính phủ và các doanh nghiệp tham gia Chương trình.

2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC GIẢI NGÂN



- (1) Dựa trên yêu cầu giải ngân vốn định kỳ, các doanh nghiệp gửi hồ sơ xin rút vốn tới Ban Quản lý Dự án tại Bộ Tài chính, hồ sơ bao gồm: đơn xin rút vốn, các chứng từ liên quan đến khoản nợ cũ có xác nhận của chủ nợ, bảng kê chi tiết nội dung, số tiền xin rút có chữ ký, dấu của lãnh đạo Ban Quản lý dự án tại doanh nghiệp.
- (2) Ban quản lý Dự án Bộ Tài chính rà soát, phê duyệt và ký đơn rút vốn, đồng thời gửi tới Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính để đồng ký đơn gửi ADB.
- (3) Với khoản vay OCR, ADB sẽ chuyển tiền trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng.
- (4) Với khoản vay sử dụng vốn ADF (nâng cao năng lực quản lý), ADB sẽ chuyển tiền vào tài khoản tạm ứng mở cho mỗi doanh nghiệp tại một ngân hàng thương mại được ADB chấp thuận.
- (5) Khi số dư Tài khoản tạm ứng (vốn ADF) của các doanh nghiệp giảm đi, các doanh nghiệp gửi đơn xin rút vốn bổ sung tài khoản tạm ứng tới Ban Quản lý Dự án tại Bộ Tài chính. Ban Quản lý Dự án tại Bộ Tài chính xem xét các hồ sơ chứng từ hợp lệ (theo quy định của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007), ký đơn rút vốn và gửi Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính để đồng ký đơn gửi ADB.
- (6) Nhà tài trợ chuyển tiền về tài khoản tạm ứng.

Sau khi nhận được tiền, ngân hàng thương mại sẽ thông báo tiền về cho các doanh nghiệp.

Tài khoản này được theo dõi bởi các đơn vị tham gia Dự án và phải được mở tại ngân hàng thương mại được chấp thuận bởi ADB và chỉ được sử dụng cho các mục đích như đã nêu.

V. VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. CƠ QUAN CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, GIÁM SÁT

Sau khi Thỏa thuận Tài trợ được phê duyệt, Bộ Tài chính sẽ thành lập một Ban Chỉ đạo và một Ban Quản lý Dự án để chỉ đạo, quản lý, điều hành và theo dõi hoạt động của Dự án.

Ban Chỉ đạo sẽ do một Thứ trưởng Bộ Tài chính làm Trưởng ban và một lãnh đạo của Cục Tài chính doanh nghiệp làm Phó Trưởng ban. Thành viên của Ban chỉ đạo bao gồm đại diện Vụ đổi mới doanh nghiệp - Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan và các đơn vị tham gia Dự án thành phần (nếu cần thiết).

Ban chỉ đạo: Thực hiện chỉ đạo việc thực hiện Chương trình theo đúng với các mục tiêu chiến lược quốc gia và quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn vốn vay của ADB để thực hiện thành công các mục tiêu mà Chương trình đặt ra; xem xét lựa chọn Dự án thành phần, danh mục Tập đoàn, TCT/doanh nghiệp có mong muốn tham gia Dự án thành phần trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cho ý kiến chỉ đạo về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chỉ đạo thực hiện Dự án.

Ban Quản lý Dự án được thành lập tại Bộ Tài chính được thành lập sẽ do lãnh đạo Cục Tài chính doanh nghiệp làm giám đốc và một phó giám đốc; điều phối viên Dự án và các thành viên Ban quản lý Dự án (bao gồm kế toán và các thành viên khác) của Ban Quản lý Dự án sẽ được huy động phù hợp với năng lực, chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động của Dự án. Giám đốc Ban quản lý Dự án quy định chức năng nhiệm vụ của các thành viên Ban quản lý Dự án.

Ban Quản lý Dự án tại Bộ Tài chính hoạt động tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/03/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý. Trong đó, chức năng tổ chức điều hành và quản lý các hoạt động của Chương trình chủ yếu, bao gồm:

- Tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, hướng dẫn các đơn vị thực hiện Dự án triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình;

- Thực hiện các công việc liên quan tới việc triển khai các khoản vay tiếp theo trong khuôn khổ Chương trình, bao gồm cả các nội dung lựa chọn, thẩm định các doanh nghiệp tham gia vào các lần vay tiếp theo của Chương trình.

- Giám sát tình hình thực hiện Dự án thành phần nói riêng và mục tiêu của Chương trình nói chung; đề xuất với Ban chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị thực hiện Dự án trong quá trình thực hiện các cam kết cũng như các vấn đề phát sinh khác không thuộc thẩm quyền.

- Tổng hợp, phân tích, **đánh giá tình hình thực hiện Dự án**, báo cáo Ban Chỉ đạo về Dự án theo định kỳ (quý, năm) và yêu cầu đột xuất (nếu có); đôn đốc các đơn vị thực hiện Dự án thành phần đánh giá tình hình thực hiện và gửi Báo cáo đúng quy định.

- Thực hiện các công việc theo nhiệm vụ, đảm bảo cho việc giải ngân của các Dự án đúng tiến độ;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan doanh nghiệp duy trì mối quan hệ với ADB và các cơ quan liên quan;

- Các hoạt động khác liên quan tới Dự án.

Giám đốc Dự án giúp việc và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo về toàn bộ các hoạt động của Dự án, bao gồm việc nhận vốn vay từ ADB, cho vay lại cho các đơn vị thực hiện Dự án với mục tiêu đáp ứng các điều kiện quy định bởi tài liệu Dự án và đáp ứng các yêu cầu về báo cáo đối với nhà tài trợ và các cơ quan chức năng của Việt Nam (*Sơ đồ các cơ quan chỉ đạo và quản lý, điều hành dự kiến được trình bày tại Phụ lục số 6*)

Ban quản lý/Nhóm quản lý dự án tại các đơn vị thực hiện Dự án thành phần sẽ được thành lập trực tiếp tại các đơn vị thực hiện Dự án thành phần.

Ban quản lý/Nhóm quản lý Dự án thành phần thực hiện chức năng quản lý điều hành các hoạt động của Dự án thành phần đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ, nội dung công việc và các cam kết với ADB và Chính phủ của Dự án thành phần.

Ban quản lý/nhóm quản lý Dự án thành phần do lãnh đạo Tập đoàn, TCT/doanh nghiệp làm trưởng Ban/Nhóm. Hội đồng quản trị/Giám đốc doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ban hoặc Nhóm quản lý. Chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý/nhóm quản lý Dự án thành phần do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Điều lệ hoạt động của đơn vị và các quy chế nội bộ và Thông tư số 03/2007/TT- BKH ngày 12/03/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý. Trưởng Ban quản lý/Nhóm quản lý chịu trách nhiệm toàn bộ về các hoạt động của Dự án thành phần trước lãnh đạo đơn vị thực hiện Dự án thành phần.

Ban quản lý/nhóm quản lý Dự án thành phần chịu sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo, Ban quản lý Dự án tại Bộ Tài chính về các hoạt động của Dự án; có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý Dự án tại Bộ Tài chính để thực hiện các công việc liên quan tới Dự án nói chung và Dự án thành phần nói riêng. Trong đó:

- Tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án thành phần;
- Thực hiện các công việc liên quan tới việc triển khai các khoản vay;
- Thực hiện các công việc theo nhiệm vụ, đảm bảo cho việc giải ngân của các Dự án đúng tiến độ;
- Giám sát tình hình thực hiện Dự án thành phần; đề xuất với Ban chỉ đạo/Ban quản lý Dự án Bộ tài chính các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị thực hiện Dự án trong quá trình thực hiện các cam kết cũng như các vấn đề phát sinh khác không thuộc thẩm quyền.
- Tổng hợp, phân tích, **đánh giá tình hình thực hiện Dự án thành phần**, báo cáo Ban Chỉ đạo thông qua Ban quản lý Dự án Bộ Tài chính về hoạt động của Dự án thành phần theo định kỳ (quý, năm) và yêu cầu đột xuất (nếu có).
- Các hoạt động khác liên quan tới Dự án thành phần

2. CƠ CHẾ GIÁM SÁT

2.1. Bộ Tài chính

Bộ Tài chính sẽ thực hiện vai trò theo dõi, giám sát tổng thể việc thực hiện Dự án:

Ban chỉ đạo Dự án ban hành Hệ thống chỉ tiêu báo cáo đánh giá hoạt động của các đơn vị tham gia Dự án.

Hệ thống chỉ tiêu báo cáo đánh giá thể hiện (i) tiến độ thực hiện của Dự án, (ii) các vấn đề phát sinh trong kỳ báo cáo, (iii) các giải pháp cho các vấn đề phát sinh, (iv) chương trình hoạt động đề xuất, và (v) dự kiến tiến độ của Dự án trong giai đoạn 6 tháng tiếp theo.

Ban Chỉ đạo và Ban QLDA sẽ đảm bảo rằng những báo cáo theo quy định của Chính phủ và ADB sẽ được nộp kịp thời.

Trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc lần vay, cơ quan điều hành/ thực hiện Dự án sẽ nộp báo cáo kết thúc Dự án cho ADB. Báo cáo này thể hiện (i) tiến độ thực hiện Dự án ở cả 3 hợp phần – tái cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý và tái cơ cấu tài chính, (ii) kết quả của hoạt động xây dựng năng lực thể chế, (iii) đánh giá ban đầu về các lợi ích thu được, và (iv) các vấn đề khác có liên quan đến thực hiện Dự án theo yêu cầu của ADB.

1.37. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện Dự án

Nộp báo cáo tiến độ quy định tại Hệ thống Báo cáo theo quy định của Ban chỉ đạo cho Ban Quản lý Dự án. Báo cáo được lập và gửi theo Hệ thống Báo cáo do Ban chỉ đạo Dự án quy định. Các đơn vị chịu trách nhiệm về thông tin báo cáo trước Ban chỉ đạo Dự án và Bộ quản lý ngành.

Báo cáo thực hiện Dự án thể hiện (i) tiến độ thực hiện của Dự án, (ii) các vấn đề phát sinh trong kỳ báo cáo, (iii) các giải pháp cho các vấn đề phát sinh, (iv) chương trình hoạt động đề xuất, và (v) dự kiến tiến độ của Dự án trong giai đoạn 6 tháng tiếp theo. Ban Quản lý Dự án sẽ đảm bảo rằng những báo cáo này được nộp lên ADB kịp thời.

Duy trì chính sách kế toán, quản lý thông tin và hệ thống kiểm soát tài chính được ADB chấp thuận (ii) duy trì các kiểm toán viên độc lập từ một công ty kiểm toán được cấp phép hoạt động tại Việt Nam và được ADB chấp thuận, đơn vị kiểm toán này sẽ nộp báo cáo lên ADB ít nhất là một năm một lần; và (iii) cho phép các đại diện của ADB có thể vào tất cả các khu vực hoạt động cũng như xem xét tất cả các sổ sách kế toán. Thời hạn cho việc nộp các số liệu kế toán đã được kiểm toán là 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính và ý kiến kiểm toán độc lập về việc sử dụng các tài khoản tạm ứng sẽ được phát hành.

Các đơn vị thực hiện Dự án có trách nhiệm ban hành hệ thống báo cáo áp dụng cho đơn vị nội bộ trong Tập đoàn, TCT/ để thu thập các thông tin phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra nội bộ và lập Báo cáo theo yêu cầu của Dự án.

Đối với lần vay đầu tiên, TCT Sông Đà, Sowatco, DATC sẽ là các đơn vị thực hiện Dự án thành phần có trách nhiệm lập và gửi Báo cáo theo quy định.

Trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc lần vay, Ban quản lý/Nhóm quản lý Dự án thành phần nộp báo cáo kết thúc Dự án cho Ban quản lý Dự án Bộ Tài chính và ADB. Báo cáo này thể hiện (i) tiến độ thực hiện Dự án ở cả 3 hợp phần – tái cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý và tái cơ cấu tài chính, (ii) kết quả của hoạt động xây dựng năng lực thể chế, (iii) đánh giá ban đầu về các lợi ích thu được, và (iv) các vấn đề khác có liên quan đến thực hiện Dự án theo yêu cầu của ADB.

2.2. Đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị tham gia Dự án:

Ban quản lý Dự án tại Bộ Tài chính sẽ tham gia với ADB về soát xét tình hình thực hiện Dự án thành phần ít nhất là hai lần / năm; soát xét giữa kỳ đối với Dự án thành phần thuộc khoản vay lần đầu vào năm 2012 với các nội dung: kết quả của lần vay và đang thực hiện; tiến độ theo khung chính sách; tình hình thực hiện các quy định trong FFA và các thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể; các khuyến nghị giữa kỳ về thay đổi phạm vi và tiến độ thực hiện để đạt được kết quả toàn diện.

Ban quản lý Dự án thành phần chuẩn bị báo cáo làm việc với Ban quản lý Bộ Tài chính và ADB về soát xét tình hình thực hiện Dự án thành phần ít nhất là hai lần / năm; soát xét giữa kỳ đối với Dự án thành phần thuộc khoản vay lần đầu vào năm 2012 với các nội dung: kết quả của lần vay và đang thực hiện; tiến độ theo khung chính sách; tình hình thực hiện các quy định trong FFA và các thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể; các khuyến nghị giữa kỳ về thay đổi phạm vi và tiến độ thực hiện để đạt được kết quả toàn diện.

Ban quản lý Dự án tại Bộ Tài chính sẽ thực hiện quy trình đánh giá năng lực hàng năm. Quy trình đánh giá năng lực sẽ bao gồm những hoạt động sau:

1. Gửi bảng câu hỏi cho các đơn vị thực hiện Dự án để thu thập thông tin
2. Đánh giá dữ liệu tài chính và phi tài chính của các đơn vị thực hiện Dự án
3. Đánh giá năng lực các đơn vị thực hiện Dự án

VI. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

3. RỦI RO VỀ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU

Việc tái cơ cấu doanh nghiệp Tập đoàn, TCT/doanh nghiệp sẽ dẫn đến có những thay đổi đối với vị trí của cán bộ chủ chốt trong các doanh nghiệp hiện tại. Do đó, có thể rủi ro từ việc phân đối lợi ích từ việc tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc trong một số trường hợp, các doanh nghiệp phải thực hiện sự chi phối của nhà nước về mục tiêu phi kinh tế nên ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

Khả năng đón nhận và tiếp thu về những thay đổi tái cơ cấu có thể thấp, đặc biệt ở các cấp độ dưới cấp quản lý doanh nghiệp; cán bộ quản lý và nhân viên phản đối về việc cơ cấu lại quy trình hoạt động;

Khả năng và năng lực hạn chế của doanh nghiệp tiến hành tái cơ cấu hoạt động và cải thiện quản trị doanh nghiệp.

4. RỦI RO TỶ GIÁ

Rủi ro đối với các doanh nghiệp đi vay, đặc biệt là TCT Sông Đà với khoản vay là 112.5 triệu USD, rủi ro có thể nhìn thấy rõ nhất là rủi ro về chênh lệch tỷ giá hối đoái do vay OCR bằng USD. Hiện tại, thị trường bảo hiểm cho các rủi ro như vậy là tương đối nhỏ, tính thanh khoản thấp với việc hoán đổi tiền tệ bị giới hạn từ 1 đến 2 năm. Các ngân hàng đã từng làm việc với Phái đoàn thẩm định cho rằng, giá trị của khoản vay đầu tiên là tương đối lớn đối với thị trường. Hơn nữa, do sự biến động không tương xứng của tiền Đồng, việc tìm đối tác thực hiện hoán đổi tiền tệ thường rất khó khăn. Thêm vào đó, việc Chính phủ giới hạn mức trần về lãi suất cũng gây khó khăn cho việc tính toán sự biến động của tỷ giá hối đoái trong vòng 1 đến 2 năm nữa. Tuy nhiên, TCT Sông Đà sẽ thực hiện việc đánh giá lại khoản vay theo tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính và xử lý chênh lệch tỷ giá vào chi phí kinh doanh (nếu như VN đồng bị giảm giá). TCT Sông Đà đã và sẽ thực hiện việc triển khai các Dự án ngắn hạn ngoài Việt Nam và do đó sẽ thu được doanh thu bằng ngoại tệ. Điều này sẽ giúp TCT Sông Đà giảm thiểu rủi ro do chênh lệch tỷ giá.

5. RỦI RO THAM NHŨNG

Chính sách chống tham nhũng của ADB (đã được sửa đổi đến năm 1998) đã được giải thích và thảo luận với Chính phủ và Ban Điều hành Dự án. Nhằm đảm bảo cam kết quản trị doanh nghiệp hiệu quả, minh bạch và rõ ràng, ADB có quyền điều tra trực tiếp hoặc thông qua các văn phòng của mình để phát hiện tham nhũng, gian lận hay bất cứ hoạt động ép buộc nào liên quan tới Chương trình. Để hỗ trợ cho các hoạt động này, các điều khoản có liên quan trong chính sách chống tham nhũng của ADB sẽ được đưa vào các điều khoản cấp tín dụng. Cụ thể là, các hợp đồng tín dụng của ADB có liên quan đến Chương trình sẽ phải nêu rõ quyền của ADB trong việc kiểm toán và rà soát sổ sách kế toán của bên đại diện thực thi Chương trình và tất cả các bên tư vấn hay các nhà cung cấp dịch vụ có liên quan tới Chương trình đầu tư.

Đối với những khoản vay lớn như vậy, việc quản lý tốt và ngăn chặn nguy cơ tham nhũng là vô cùng khó khăn, nhất là trong đại bộ phận các cơ quan Nhà nước hiện nay, và từ các thành phần cán bộ. Vì vậy cần có 1 cơ chế quản tốt từ phía Ban quản lý Dự án, cũng như việc đào tạo ý thức tư tưởng cho tất cả cán bộ có liên quan.

Thỏa thuận giải ngân phải đảm bảo rằng các khoản vay từ nguồn cho vay thông thường OCR cho quá trình tái cơ cấu nợ sẽ được thanh toán trực tiếp cho tổ chức cho vay của các đơn vị khi đáp ứng đầy đủ các thủ tục của bên tham gia Chương trình và đơn vị thực hiện Dự án. Đối với các khoản vay từ nguồn của ADF cho công tác tái cơ cấu hoạt động, khoản vay này có thể được giải ngân trực tiếp cho các bên tư vấn và các nhà cung cấp dịch vụ theo quy trình thanh toán trực tiếp.

Mọi rủi ro phát sinh liên quan đến khoản vay sẽ thuộc trách nhiệm của các doanh nghiệp vay lại.

Bảng đánh giá và xếp hạng rủi ro:

Rủi ro	Những biện pháp giảm thiểu rủi ro	Xếp hạng và giảm thiểu rủi ro
Rủi ro về thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp	Xây dựng một kế hoạch/chương trình cụ thể các nội dung công việc gắn với việc giải ngân nguồn vốn hỗ trợ. Cơ chế giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp theo đúng tiến độ đề ra.	M
Rủi ro chênh lệch tỉ giá	Chính sách về tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước phải rõ ràng, công khai và được thông báo trước tới các đối tượng có liên quan	M
Rủi ro tham nhũng	Cơ chế quản lý minh bạch, cũng như việc đưa ra hình thức kỉ luật theo quy định của pháp luật phù hợp, giáo dục ý thức tư tưởng và tinh thần của các cán bộ liên quan trực tiếp đến hoạt động của Dự án;	N

Xếp loại rủi ro – H (Rủi ro cao), S (Rủi ro đáng kể), M (Rủi ro trung bình), N (Không đáng kể hoặc rủi ro thấp).

BỘ TÀI CHÍNH

(4.1)